



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 11

Ngày 15 tháng 02 năm 2013

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 17-01-2013 - Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND về việc điều chỉnh mức tiền công khoán bảo vệ rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố. 3
- 17-01-2013 - Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ban hành Quy trình thanh tra trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra. 6

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

- 05-01-2013- Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế thực hiện chế độ ủy quyền tham gia Tổ tụng hành chính tại Tòa án nhân dân các cấp. 22

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

- 11-01-2013 - Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ huyện Củ Chi. 30

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- 09-01-2013 - Chỉ thị số 01/2013/CT-UBND về công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; tuyển sinh quân sự; đăng ký, quản lý, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2013. 42

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 29-12-2012 - Quyết định số 6708/QĐ-UBND về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu Trung tâm hiện hữu thành phố Hồ Chí Minh (930ha). 46
- 03-01-2013 - Quyết định số 32/QĐ-UBND về việc đính chính Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố. 69
- 17-01-2013 - Quyết định số 295/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Thông tri số 18-TT/TU ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 71

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh mức tiền công khoán
bảo vệ rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ ban hành về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành phê duyệt Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 31/2010/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh mức tiền công khoán bảo vệ rừng phòng hộ huyện Cần Giờ;

Căn cứ Công văn số 4150/UBND-CNN ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban

nhân dân thành phố về điều chỉnh định mức tiền công khoán bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng tại huyện Bình Chánh và huyện Củ Chi;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 8767/STC-QHPX ngày 12 tháng 9 năm 2012; của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 8493/SKHĐT-KT ngày 09 tháng 10 năm 2012 và của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 26/SNN-KHTC ngày 07 tháng 01 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh nâng mức tiền công khoán bảo vệ rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố từ mức bình quân 725.000 đồng/ha/năm lên mức bình quân 1.156.000 đồng/ha/năm, bao gồm:

- Điều chỉnh mức lương tối thiểu từ 650.000 đồng lên 1.050.000 đồng và hệ số lương ngạch kiểm lâm viên sơ cấp bao gồm chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động giữ rừng.

- Chi phí nhiên liệu từ 15.900 đồng/lít lên 21.200 đồng/lít.

- Định mức sử dụng nước ngọt từ 2,66m³/người/tháng lên 4 m³/người/tháng.

Nguồn kinh phí thực hiện đơn giá 1.156.000 đồng/ha/năm gồm:

- Nguồn ngân sách Trung ương là 200.000 đồng/ha/năm bố trí trong kế hoạch đầu tư hàng năm (theo Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 và Công văn số 3936/BNN-TCLN ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn triển khai kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng năm 2011).

- Nguồn ngân sách thành phố bố trí dự toán chi thường xuyên là 956.000 đồng/ha/năm.

Đơn giá mới được điều chỉnh trong các trường hợp sau đây:

- Khi chuẩn nghèo do Ủy ban nhân dân thành phố quy định có sự thay đổi.

- Sự thay đổi của các yếu tố trong đơn giá dẫn đến mức tiền công khoán thay đổi quá 30% so với mức tiền công khoán hiện hành.

Tùy theo mức khó khăn đối với công tác bảo vệ rừng, Ủy ban nhân dân thành

phổ ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ quy định mức hưởng tiền công bảo vệ rừng cụ thể cho từng khu rừng hoặc khu vực, nhưng không dưới 1.125.000 đồng/ha/năm và không quá 1.166.000 đồng/ha/năm (kể cả các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...).

Điều 2.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

2. Đơn giá mới quy định tại Quyết định này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

Quyết định này thay thế Quyết định số 31/2010/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh mức tiền công khoán bảo vệ rừng phòng hộ huyện Cần Giờ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính và Giám đốc các Sở - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình thanh tra trách nhiệm
trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 97/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ quy định về thanh tra viên và cộng tác viên thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số 02/2010/TT-TTCP ngày 02 tháng 3 năm 2010 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiến hành một cuộc thanh tra;

Xét đề nghị của Chánh Thanh tra thành phố tại Tờ trình số 01/TTr-TTTP-BQLDA ngày 08 tháng 01 năm 2013 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 4676/STP-VB ngày 20 tháng 11 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Quy trình thanh tra trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Chánh Thanh tra thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY TRÌNH

Thanh tra trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này quy định về trình tự, thủ tục và nội dung tiến hành một cuộc thanh tra trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra đối với công tác quản lý nhà nước về thanh tra và hoạt động thanh tra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy trình này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân quận, huyện và cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc sở và cấp tương đương; các cơ quan thanh tra nhà nước; các Đoàn thanh tra do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước, Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước hoặc Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thành lập để tiến hành thanh tra việc thực hiện pháp luật về thanh tra.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “Thanh tra trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra” là quá trình xem xét, đánh giá, kết luận việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra nhà nước, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.

2. “Pháp luật về thanh tra” là những văn bản quy phạm pháp luật có liên quan quy định về tổ chức và hoạt động thanh tra.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Hoạt động thanh tra trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành và các quy định của Quy trình này.

2. Các cuộc thanh tra trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra phải khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời.

3. Nội dung thanh tra phải có trọng tâm, trọng điểm để đánh giá trách nhiệm, vai trò của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước, Thủ trưởng cơ quan thanh tra, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra.

Điều 5. Thẩm quyền tiến hành thanh tra

1. Chánh Thanh tra thành phố ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra đối với sở, cấp tương đương (gọi chung là sở) và Ủy ban nhân dân quận, huyện (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện). Khi cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra.

2. Chánh Thanh tra sở ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra đối với các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc sở. Khi cần thiết, Giám đốc sở ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra đối với các cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc sở và việc thực hiện pháp luật về thanh tra tại sở.

3. Chánh Thanh tra cấp huyện ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra đối với việc thực hiện pháp luật về thanh tra tại cấp huyện. Khi cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định thanh tra và thành lập Đoàn thanh tra.

Chương II**QUY TRÌNH THANH TRA****Mục 1****CHUẨN BỊ THANH TRA****Điều 6. Ban hành quyết định thanh tra**

1. Căn cứ Kế hoạch thanh tra hàng năm đã được phê duyệt và Báo cáo kết quả thu thập thông tin (nếu có), người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 5 của Quy trình này quyết định thanh tra.

2. Nội dung quyết định thanh tra bao gồm:

a) Căn cứ pháp lý để thanh tra;

b) Phạm vi, đối tượng, nội dung, nhiệm vụ thanh tra;

c) Thời hạn thanh tra;

d) Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên và các thành viên khác của Đoàn thanh tra.

3. Chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày ký, quyết định thanh tra phải gửi đối tượng thanh tra, trừ trường hợp thanh tra đột xuất. Quyết định thanh tra phải được công bố chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày ký. Việc công bố quyết định thanh tra phải được lập biên bản.

4. Thời hạn cuộc thanh tra trách nhiệm trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra tương tự thời hạn cuộc thanh tra hành chính theo quy định tại Điều 45 Luật Thanh tra năm 2010.

Điều 7. Xây dựng Kế hoạch tiến hành thanh tra

1. Việc xây dựng và phê duyệt Kế hoạch tiến hành thanh tra thực hiện theo quy định của Điều 5 Thông tư số 02/2010/TT-TTCP ngày 02 tháng 3 năm 2010 của Tổng Thanh tra Chính phủ về quy định Quy trình tiến hành một cuộc thanh tra (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2010/TT-TTCP).

2. Việc xây dựng Kế hoạch tiến hành thanh tra trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra phải bám sát với nội dung Quy trình này, xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung cơ bản và những vấn đề trọng tâm, trọng điểm phải tập trung thanh tra, kết luận; phải thể hiện được những nội dung công việc trong các bước tiến hành cuộc thanh tra; yêu cầu kết quả phải đạt được trong từng nội dung cụ thể phù hợp với thời gian quy định. Căn cứ vào nội dung và đối tượng thanh tra mà kế hoạch cũng đề ra cụ thể các địa điểm cần đến làm việc trực tiếp hoặc thu thập thông tin; các phương pháp thanh tra và biện pháp thanh tra chủ yếu.

3. Kế hoạch tiến hành thanh tra phải đề ra biện pháp xử lý các tình huống, bao gồm: đối tượng thanh tra trì hoãn, cản trở hoặc cung cấp không đầy đủ hồ sơ, tài liệu; người có liên quan đến nội dung thanh tra vắng mặt dài ngày; chậm thực hiện các yêu cầu của Đoàn thanh tra...

4. Trưởng Đoàn thanh tra tổ chức họp Đoàn để phổ biến Kế hoạch tiến hành thanh tra đã được phê duyệt; bàn các biện pháp cụ thể về tổ chức thực hiện; phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

5. Các thành viên có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch thanh tra theo nhiệm vụ được phân công trình Trưởng đoàn phê duyệt.

6. Kế hoạch tiến hành thanh tra được gửi đến người ra quyết định thanh tra, các thành viên, người giám sát hoạt động Đoàn thanh tra và lưu hồ sơ thanh tra.

Điều 8. Xây dựng Đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo

1. Việc xây dựng Đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo thực hiện theo quy định của Điều 7 Thông tư số 02/2010/TT-TTCP.

2. Đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo phải xây dựng chi tiết, liên quan trực tiếp đến nội dung thanh tra, cụ thể:

a) Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh tra:

- Việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện pháp luật về thanh tra.

- Việc xây dựng, phê duyệt Kế hoạch thanh tra và tổ chức thực hiện Kế hoạch đó;

- Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về kết quả công tác thanh tra;

- Việc tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra, xử lý kết luận, kiến nghị thanh tra của Thủ trưởng cơ quan nhà nước;

- Việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra;

- Việc đảm bảo công tác thanh tra (kinh phí, chế độ, chính sách...).

b) Thực hiện hoạt động thanh tra:

- Tổng số cuộc thanh tra đã tiến hành, số cuộc đã kết thúc, chưa kết thúc; số cuộc thực hiện đúng hạn, trễ hạn, nguyên nhân của việc trễ hạn;

- Trình tự, thủ tục cụ thể tiến hành một cuộc thanh tra từ khi chuẩn bị thanh tra đến khi tiến hành thanh tra và kết thúc thanh tra;

- Việc thực hiện các quyền trong hoạt động thanh tra;

- Việc lập, quản lý hồ sơ thanh tra;

- Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thanh tra (nếu có).

3. Đối với đối tượng thanh tra là sở cần báo cáo thêm những vấn đề như sau:

- Việc hướng dẫn, kiểm tra cơ quan, đơn vị thuộc sở thực hiện quy định của pháp luật về thanh tra;

- Việc phân công thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành tiến hành thanh tra độc lập;

- Việc tổ chức thanh tra lại;

- Việc kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của kết luận thanh tra và quyết định xử lý sau thanh tra của Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc sở và cấp tương đương đối với vụ việc thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của sở;

- Việc xử lý chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra trong phạm vi được phân cấp quản lý nhà nước của sở;

- Việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Các vấn đề khác có liên quan đến nội dung thanh tra.

Điều 9. Thông báo về việc công bố quyết định thanh tra

Việc thông báo công bố quyết định thanh tra thực hiện theo quy định của Điều 8 Thông tư số 02/2010/TT-TTCP.

Mục 2

TIẾN HÀNH THANH TRA

Điều 10. Công bố quyết định thanh tra

1. Việc công bố quyết định thanh tra thực hiện theo quy định của Điều 9 Thông tư số 02/2010/TT-TTCP.

2. Đoàn thanh tra làm việc cụ thể với đối tượng thanh tra về kế hoạch làm việc, lịch làm việc, nơi làm việc, phương thức tiến hành thanh tra, các tài liệu mà đối tượng thanh tra có trách nhiệm cung cấp; xác định cụ thể người đại diện của đối tượng thanh tra trực tiếp làm việc với Đoàn thanh tra; bộ phận chịu trách nhiệm chuẩn bị và cung cấp tài liệu.

Điều 11. Thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra

1. Căn cứ theo nội dung thanh tra và Đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo, Đoàn thanh tra tiến hành thu thập hồ sơ, tài liệu của đối tượng thanh tra. Đối tượng thanh tra có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các tài liệu cho Đoàn thanh tra theo đúng thời hạn mà Đoàn thanh tra yêu cầu. Trường hợp không thể đáp ứng được thời

hạn thì đối tượng thanh tra phải có văn bản giải trình nguyên nhân và phải được sự đồng ý của Trưởng Đoàn thanh tra. Hồ sơ, tài liệu phải được đánh bút lục, nêu rõ số lượng bản chính, bản sao. Việc cung cấp hồ sơ, tài liệu được lập thành biên bản giao nhận giữa Đoàn thanh tra và đối tượng thanh tra.

2. Trong quá trình thanh tra, nếu xét thấy cần thiết, Trưởng Đoàn thanh tra và thành viên Đoàn thanh tra tiếp tục yêu cầu đối tượng thanh tra, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung thanh tra. Việc cung cấp thông tin, tài liệu được thể hiện bằng văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp hoặc biên bản về việc cung cấp thông tin, tài liệu do Đoàn thanh tra lập.

3. Tài liệu, hồ sơ thu thập phải bám sát theo nội dung tại Điều 8 của Quy trình này và một số tài liệu khác có liên quan đến nội dung thanh tra khi Đoàn thanh tra yêu cầu.

4. Việc quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, tài liệu thu thập phải thực hiện ở chế độ mật trước khi có Kết luận thanh tra chính thức.

Điều 12. Kiểm tra, xác minh và đánh giá thông tin, tài liệu

1. Việc kiểm tra, xác minh và đánh giá thông tin, tài liệu thực hiện theo quy định của Điều 11 Thông tư số 02/2010/TT-TTTP.

2. Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu thu thập được, từng thành viên Đoàn thanh tra theo nhiệm vụ được giao tiến hành nghiên cứu, phân tích, xem xét, xử lý thông tin và số liệu để phát hiện những vấn đề có mâu thuẫn; nhận định những việc làm đúng, những sai phạm, những sơ hở, bất cập của cơ chế, chính sách, chế độ; làm rõ bản chất, nguyên nhân và trách nhiệm của tập thể, cá nhân đối với từng sai phạm.

3. Kiểm tra, xác định tính hợp pháp, hợp lý, trung thực của hồ sơ và các tài liệu có liên quan; xác định sự phù hợp về trình tự, thủ tục.

4. Lập biên bản làm việc với đối tượng thanh tra để xác định các nội dung có liên quan về tình hình, số liệu; các thiếu sót, sai phạm theo từng sự việc cụ thể.

5. Trong quá trình thanh tra, tùy trường hợp mà Đoàn thanh tra thực hiện các nghiệp vụ sau:

a) Yêu cầu giải trình: đối với những sự việc, tài liệu phản ánh chưa rõ, chưa đủ cơ sở kết luận, Đoàn thanh tra chuẩn bị chi tiết nội dung yêu cầu đối tượng thanh tra giải trình bằng văn bản (có chữ ký của người giải trình).

b) Tổ chức đối thoại, chất vấn: trường hợp giải trình của đối tượng chưa rõ, tiến

hành tổ chức đối thoại, chất vấn đối tượng thanh tra để làm rõ thêm đúng, sai về nội dung và trách nhiệm. Việc đối thoại, chất vấn phải lập thành biên bản.

c) Làm việc với cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan: làm việc trực tiếp hoặc phát hành văn bản đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan cần xác minh, để thu thập thông tin cần thiết phục vụ cho việc báo cáo kết quả thanh tra và kết luận thanh tra.

Điều 13. Thanh tra trách nhiệm việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thanh tra

1. Xem xét, đánh giá về công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn và tổ chức thực hiện pháp luật về thanh tra của cấp trên.

2. Xem xét trách nhiệm xây dựng, phê duyệt Kế hoạch thanh tra và tổ chức triển khai Kế hoạch thanh tra gồm: đánh giá về thời gian xây dựng và phê duyệt kế hoạch, nội dung của kế hoạch (đảm bảo bám sát với hướng dẫn của cơ quan thanh tra cấp trên và yêu cầu của công tác quản lý của địa phương, ngành, lĩnh vực), việc gửi Kế hoạch thanh tra cho đối tượng thanh tra theo Khoản 5 Điều 36 Luật Thanh tra năm 2010 và Khoản 3 Điều 39 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành (gọi tắt là Nghị định số 07/2012/NĐ-CP).

3. Xem xét việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về kết quả công tác thanh tra: đánh giá việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Thanh tra Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Đánh giá việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra: phải đảm bảo thực hiện theo quy định tại Điều 56 và 57 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra (gọi tắt là Nghị định số 86/2011/NĐ-CP).

5. Đánh giá trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan nhà nước trong tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra, xử lý kết luận, kiến nghị thanh tra: phải đảm bảo thực hiện theo quy định tại Điều 8, 40 Luật Thanh tra năm 2010, Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP.

6. Đánh giá việc đảm bảo công tác thanh tra: phải đảm bảo thực hiện theo quy định tại Chương VII của Nghị định số 86/2011/NĐ-CP.

Điều 14. Thanh tra trách nhiệm trong hoạt động thanh tra

1. Đánh giá về chấp hành trình tự, thủ tục, thời hạn trong các giai đoạn tiến hành cuộc thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra, trong đó cần tập trung vào những nội dung:

a) Công tác chuẩn bị thanh tra:

- Việc tổ chức thu thập thông tin trước khi ban hành Quyết định thanh tra theo Mục 3 Chương VI Nghị định số 86/2011/NĐ-CP;

- Xem xét về thẩm quyền ban hành và nội dung của Quyết định thanh tra theo quy định tại Điều 19, 20 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP, Điều 14, 15 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP và Điều 43, 44, 51, 52 Luật Thanh tra năm 2010;

- Xem xét việc xây dựng, phổ biến Kế hoạch tiến hành thanh tra; xây dựng Đề cương yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo và thông báo về việc tiến hành công bố Quyết định thanh tra: theo quy định tại Điều 22, 23, 24, 25 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và Điều 18, 19, 20, 21 của Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

b) Tiến hành thanh tra:

- Việc công bố Quyết định thanh tra theo quy định Điều 26 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và Điều 22 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP;

- Việc tiến hành xác minh, thu thập hồ sơ phải đảm bảo có liên quan đến nội dung thanh tra, được lập thành biên bản thể hiện quá trình giao nhận và được đánh số bút lục;

- Việc thực hiện báo cáo tiến độ của Trưởng Đoàn thanh tra theo Khoản 1, 2 Điều 28 Nghị định 86/2011/NĐ-CP và Điều 24 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP;

- Việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành thanh tra trong quá trình thanh tra; thay đổi Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, bổ sung thành viên Đoàn thanh tra; gia hạn thời gian thanh tra; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của thành viên Đoàn thanh tra; việc ghi nhật ký Đoàn thanh tra; việc kết thúc thanh tra tại nơi được thanh tra: theo các quy định tại Điều 13, 14, 15, 16, 17 và 18 Thông tư số 02/2010/TT-TTTP;

- Việc thực hiện các quyền trong hoạt động thanh tra theo Mục 3 Chương III Nghị định số 86/2011/NĐ-CP.

c) Kết thúc thanh tra:

- Việc xây dựng báo cáo kết quả thanh tra theo Điều 29 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và Điều 25 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP;

- Việc xây dựng và ban hành Kết luận thanh tra theo quy định tại Điều 30, 31 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và Điều 26, 27 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP;

- Việc công khai kết luận thanh tra theo Điều 39 Luật Thanh tra năm 2010, Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và Điều 28 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP;

- Việc tổng kết rút kinh nghiệm hoạt động Đoàn thanh tra và lập bàn giao hồ sơ thanh tra theo quy định tại Điều 26, 27 Thông tư số 02/2010/TT-TTCP.

2. Công tác giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 2861/2008/QĐ-TTCP ngày 22 tháng 12 năm 2008 của Tổng Thanh tra Chính phủ.

3. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình thanh tra theo Điều 73, 74 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP.

Điều 15. Thanh tra trong việc phân công Thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành tiến hành thanh tra độc lập

1. Xem xét, đánh giá việc thực hiện theo quy định tại Mục 2 Chương III Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

2. Nội dung thanh tra cần tập trung xác định:

a) Chánh Thanh tra sở và cấp tương đương, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc sở và cấp tương đương phân công Thanh tra viên, công chức thanh tra chuyên ngành tiến hành thanh tra độc lập phải bằng quyết định, với các nội dung: nêu rõ họ, tên, chức danh, số hiệu thẻ của Thanh tra viên hoặc của công chức thanh tra chuyên ngành tiến hành thanh tra độc lập; phạm vi, nội dung, nhiệm vụ thanh tra; thời gian tiến hành thanh tra;

b) Thời hạn tiến hành thanh tra độc lập.

Điều 16. Thanh tra việc tổ chức thanh tra lại

1. Xem xét, đánh giá việc thực hiện các quy định tại Chương IV Nghị định số 86/2011/NĐ-CP và Chương IV Nghị định số 07/2012/NĐ-CP.

2. Nội dung thanh tra cần tập trung xác định: thẩm quyền tiến hành thanh tra lại; căn cứ để quyết định thanh tra lại; việc gửi, công bố Quyết định thanh tra lại; thời hạn, thời hiệu thanh tra lại; việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong quá trình thanh tra; việc xây dựng Báo cáo kết quả thanh tra, Kết luận thanh tra và công khai Kết luận thanh tra.

Điều 17. Thanh tra việc kiểm tra tính chính xác, hợp pháp của kết luận thanh tra và quyết định xử lý sau thanh tra của Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc sở

1. Xem xét, đánh giá việc thực hiện theo Khoản 8 Điều 24 Luật Thanh tra năm 2010.

2. Việc xây dựng cơ chế và tiến hành kiểm tra các kết luận thanh tra và quyết định thanh tra.

Điều 18. Thanh tra trách nhiệm xử lý chồng chéo về hoạt động thanh tra chuyên ngành

Xem xét, đánh giá việc thực hiện Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 07/2012/NĐ-CP gồm: trách nhiệm của Chánh Thanh tra sở trong việc xử lý chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra giữa các Chi cục thuộc Sở; việc báo cáo Giám đốc sở xem xét, quyết định những trường hợp không thống nhất.

Điều 19. Thanh tra trong việc xử phạt vi phạm hành chính của hoạt động thanh tra chuyên ngành

Xem xét về trình tự, thủ tục, thẩm quyền tiến hành xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 20. Báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ thanh tra

1. Sau khi tiến hành các nghiệp vụ thanh tra, thu thập chứng cứ, từng thành viên Đoàn thanh tra có trách nhiệm báo cáo với Trưởng Đoàn thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra có trách nhiệm báo cáo với người ra quyết định thanh tra về tiến độ thực hiện nhiệm vụ thanh tra theo kế hoạch thanh tra đã được phê duyệt hoặc theo yêu cầu đột xuất của cấp trên.

2. Nội dung văn bản báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ thanh tra và việc kiểm tra, có ý kiến chỉ đạo cụ thể, trực tiếp của người ra quyết định thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra về các báo cáo tiến độ của Trưởng Đoàn thanh tra, của các thành viên Đoàn thanh tra được thực hiện theo quy định của Điều 12 Thông tư số 02/2010/TT-TTCP.

Điều 21. Ghi nhật ký Đoàn thanh tra

1. Nhật ký Đoàn thanh tra là sổ ghi chép những hoạt động của Đoàn thanh tra, những nội dung có liên quan đến hoạt động của Đoàn thanh tra diễn ra trong ngày, từ khi có quyết định thanh tra đến khi bàn giao hồ sơ thanh tra cho cơ quan có thẩm quyền.

2. Mẫu sổ, các nội dung cần phản ánh, việc ghi chép, bảo quản sổ nhật ký Đoàn thanh tra được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 02/2010/TT-TTCP ngày 02 tháng 3 năm 2010 và Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 2894/2008/QĐ-TTCP ngày 23 tháng 12 năm 2008 của Tổng Thanh tra Chính phủ.

3. Trường hợp việc ghi chép nhật ký Đoàn thanh tra do thành viên Đoàn thanh tra thực hiện theo phân công của Trưởng đoàn thì việc phân công phải được ghi nhận trong biên bản phổ biến kế hoạch thanh tra hoặc lập thành văn bản. Trưởng Đoàn thanh tra có trách nhiệm ký xác nhận nội dung trong nhật ký của Đoàn thanh tra về việc ghi chép đó.

Điều 22. Giám sát, kiểm tra hoạt động của Đoàn thanh tra

1. Giám sát hoạt động Đoàn thanh tra nhằm theo dõi, đánh giá hoạt động của Trưởng đoàn, thành viên Đoàn thanh tra trong việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra, chấp hành pháp luật về thanh tra, quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức và ý thức chấp hành kỷ luật của thành viên Đoàn thanh tra; nắm bắt kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thanh tra để có biện pháp chấn chỉnh, giải quyết.

2. Kiểm tra hoạt động Đoàn thanh tra nhằm xem xét, làm rõ việc tố cáo hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Việc giám sát, kiểm tra hoạt động Đoàn thanh tra được thực hiện theo Quy chế giám sát, kiểm tra hoạt động Đoàn thanh tra ban hành kèm theo Quyết định số 2861/2008/QĐ-TTCP ngày 22 tháng 12 năm 2008 của Tổng Thanh tra Chính phủ.

Điều 23. Việc sửa đổi, bổ sung Kế hoạch tiến hành thanh tra trong quá trình thanh tra; thay đổi Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, bổ sung thành viên Đoàn thanh tra; gia hạn thời gian thanh tra; việc kết thúc thanh tra tại nơi được thanh tra

1. Việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch tiến hành thanh tra trong quá trình thanh tra thực hiện theo Điều 13 Thông tư số 02/2010/TT-TTCP khi có yêu cầu của người ra quyết định thanh tra và của Đoàn thanh tra.

2. Việc thay đổi, bổ sung Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra thực hiện theo Điều 14 Thông tư số 02/2010/TT-TTCP. Cụ thể việc thay đổi Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra trong trường hợp không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ thanh tra, vi phạm pháp luật hoặc vì lý do khách quan mà không thể thực hiện nhiệm vụ thanh tra; đối với việc bổ sung thành viên Đoàn thanh tra thực hiện khi

cần bảo đảm tiến độ, chất lượng thanh tra hoặc để đáp ứng các yêu cầu khác phát sinh trong quá trình thanh tra.

3. Việc gia hạn thời gian thanh tra thực hiện theo Điều 15 Thông tư số 02/2010/TT-TTCP. Cụ thể Trưởng Đoàn thanh tra có Văn bản đề nghị người ra Quyết định thanh tra xem xét, quyết định việc gia hạn; Văn bản gia hạn phải nêu rõ lý do, thời gian gia hạn.

4. Việc kết thúc thanh tra tại nơi được thanh tra thực hiện theo Điều 18 Thông tư số 02/2010/TT-TTCP, cụ thể Trưởng Đoàn thanh tra phải có văn bản gửi cho đối tượng thanh tra biết thời gian việc kết thúc thanh tra.

Mục 3

KẾT THÚC THANH TRA

Điều 24. Xây dựng Báo cáo kết quả thanh tra

1. Trưởng Đoàn thanh tra có trách nhiệm chủ trì xây dựng Báo cáo kết quả thanh tra. Báo cáo kết quả thanh tra phải phản ánh đầy đủ kết quả những nội dung công việc đã thanh tra; những ý kiến không thống nhất của thành viên Đoàn thanh tra; những đề xuất về chính sách, chế độ và quản lý. Mỗi nội dung báo cáo kết luận phải nêu rõ sự việc, căn cứ đúng, sai, nguyên nhân, trách nhiệm, hình thức xử lý, chấn chỉnh.

2. Trong quá trình lập Báo cáo kết quả thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra tham khảo ý kiến của các cơ quan có liên quan về một số nội dung cần thiết để đảm bảo cho việc kết luận được chính xác; tổ chức họp Đoàn trao đổi thống nhất các nội dung kết luận và kiến nghị; ý kiến bảo lưu của các thành viên (nếu có) được ghi vào biên bản họp Đoàn thanh tra và được phản ánh đầy đủ vào Báo cáo kết quả thanh tra.

3. Việc xây dựng Báo cáo kết quả thanh tra thực hiện theo Điều 49 Luật Thanh tra năm 2010 và Điều 29 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP, với nội dung chủ yếu như sau:

- a) Khái quát về tình hình chung của đơn vị được thanh tra;
- b) Kết luận cụ thể về từng nội dung đã tiến hành thanh tra theo các Điều 13, 14, 15, 16, 17, 18 và 19 của Quy trình này;
- c) Xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, nguyên nhân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật;
- d) Ý kiến khác nhau giữa thành viên Đoàn thanh tra với Trưởng Đoàn thanh tra về nội dung báo cáo kết quả thanh tra;

đ) Biện pháp xử lý đã được áp dụng và kiến nghị biện pháp xử lý.

4. Báo cáo kết quả thanh tra chỉ gửi người ra quyết định thanh tra xem xét và lưu giữ theo chế độ mật, không công bố với đối tượng thanh tra. Trường hợp người ra quyết định thanh tra là Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước thì báo cáo kết quả thanh tra còn phải được gửi cho Thủ trưởng cơ quan thanh tra nhà nước cùng cấp. Báo cáo kết quả thanh tra do Trưởng đoàn thanh tra ký tên, lấy số văn thư và ngày tháng năm theo quy định, việc đóng dấu trên báo cáo thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 25. Xây dựng và ban hành Kết luận thanh tra

1. Việc xây dựng và ban hành Kết luận thanh tra thực hiện theo quy định tại Điều 50 Luật Thanh tra năm 2010 và Điều 30, 31 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP.

2. Kết luận thanh tra phải đảm bảo các nội dung sau đây:

a) Đánh giá việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của đối tượng thanh tra đối với việc thực hiện pháp luật về thanh tra;

b) Kết luận rõ về các nội dung thanh tra: trách nhiệm quản lý nhà nước về thanh tra và trách nhiệm trong hoạt động thanh tra, trong đó tập trung đánh giá về trình tự, thủ tục tiến hành cuộc thanh tra;

c) Kết luận trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được thanh tra trong việc chỉ đạo, điều hành thực hiện pháp luật về thanh tra;

d) Xác định rõ tính chất, mức độ vi phạm, nguyên nhân (khách quan, chủ quan), trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật;

đ) Biện pháp xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị biện pháp xử lý.

Điều 26. Công khai Kết luận thanh tra; chỉ đạo và xử lý Kết luận thanh tra

Thực hiện theo Điều 39, 40 Luật Thanh tra năm 2010 và Điều 46 Nghị định 86/2011/NĐ-CP.

Điều 27. Tổng kết, rút kinh nghiệm hoạt động của Đoàn thanh tra

Sau khi có Kết luận thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra có trách nhiệm tổ chức họp Đoàn thanh tra để tổng kết, rút kinh nghiệm về hoạt động của Đoàn thanh tra.

Nội dung tổng kết, việc khen thưởng, kỷ luật đối với Đoàn thanh tra và báo cáo kết quả tổng kết, rút kinh nghiệm về hoạt động của Đoàn thanh tra với người ra quyết định thanh tra và Thủ trưởng đơn vị chủ trì cuộc thanh tra được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 02/2010/TT-TTCP.

Điều 28. Lập, quản lý và bàn giao hồ sơ thanh tra

Việc lập, quản lý và bàn giao hồ sơ thanh tra được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2010/TT-TTCP và Quy chế lập, quản lý hồ sơ thanh tra, hồ sơ giải quyết khiếu nại, hồ sơ giải quyết tố cáo ban hành kèm theo Quyết định số 2278/2007/QĐ-TTCP ngày 24 tháng 10 năm 2007 của Tổng Thanh tra Chính phủ.

**Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 29. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Thanh tra thành phố tiến hành tổ chức tập huấn và triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy trình này. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy trình này. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Thanh tra thành phố).

Điều 30. Bổ sung, sửa đổi

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Thanh tra thành phố để tổng hợp, nghiên cứu, xem xét, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế thực hiện chế độ ủy quyền tham gia
Tổ tụng hành chính tại Tòa án nhân dân các cấp****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tổ tụng hành chính ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Tổ tụng hành chính;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp quận tại Tờ trình số 325/TTr-TP ngày 28 tháng 12 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện khi được ủy quyền tham gia Tổ tụng hành chính tại Tòa án nhân dân các cấp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 12, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành quận và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH****Trần Ngọc Hồ**

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Về việc thực hiện chế độ ủy quyền tham gia
Tổ tụng hành chính tại Tòa án nhân dân các cấp
(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Quận 12)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cụ thể về đối tượng, phạm vi, trình tự, trách nhiệm các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện chế độ ủy quyền tham gia Tổ tụng hành chính tại Tòa án nhân dân các cấp.

Điều 2. Đối tượng khiếu kiện

1. Quyết định hành chính thuộc đối tượng khiếu kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính.
2. Hành vi hành chính thuộc đối tượng khiếu kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính.
3. Quyết định buộc thôi việc công chức.

Điều 3. Người ủy quyền và người được ủy quyền tham gia Tổ tụng hành chính tại Tòa án nhân dân các cấp

1. Người ủy quyền: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12.
2. Người được ủy quyền: Thủ trưởng các phòng, ban, ngành quận và cá nhân có liên quan (không bao gồm cán bộ, công chức trong ngành Thanh tra quận, trừ trường hợp họ tham gia tổ tụng với tư cách là người đại diện cho cơ quan của họ hoặc với tư cách là người đại diện theo pháp luật).

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Quyết định hành chính* là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức khác hoặc người có thẩm quyền trong các cơ quan, tổ chức đó ban hành, quyết định về một vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể.

2. *Hành vi hành chính* là hành vi của cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức khác hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

3. *Quyết định kỷ luật* buộc thôi việc là văn bản thể hiện dưới hình thức quyết định của người đứng đầu cơ quan, tổ chức để áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc đối với công chức thuộc quyền quản lý của mình.

4. *Đương sự* bao gồm người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

5. *Người khởi kiện* là cá nhân, cơ quan, tổ chức khởi kiện vụ án hành chính đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, việc lập danh sách cử tri.

6. *Người bị kiện* là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc, quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh, lập danh sách cử tri bị khởi kiện.

7. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* là cá nhân, cơ quan, tổ chức tuy không khởi kiện, không bị kiện, nhưng việc giải quyết vụ án hành chính có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên họ tự mình hoặc đương sự khác đề nghị và được Tòa án chấp nhận hoặc được Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

8. *Cơ quan, tổ chức* bao gồm cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân.

Điều 5. Nguyên tắc thực hiện ủy quyền và nhận ủy quyền

1. Đối với việc ủy quyền trong trường hợp đương sự là cơ quan, tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng hành chính thông qua người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Khoản 8, Điều 49; Khoản 1, Điều 50; Điểm c, Khoản 2, Điều 54 thì thực hiện theo quy định Luật Tố tụng hành chính.

2. Đối với việc nhận ủy quyền được quy định tại Khoản 3, Điều 54 quy định người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng hành chính phải là người từ đủ 18 tuổi trở lên, không bị mất năng lực hành vi dân sự, được đương sự hoặc người đại diện theo pháp luật của đương sự ủy quyền bằng văn bản thì thực hiện theo quy định tại Điều c, Khoản 2 và Khoản 5 Điều 54 Luật Tố tụng Hành chính.

3. Người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng hành chính thực hiện toàn bộ các quyền, nghĩa vụ tố tụng hành chính của người ủy quyền. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ ba.

Chương II

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI THAM GIA TỐ TỤNG

Điều 6. Người tham gia tố tụng có quyền, nghĩa vụ sau đây

1. Cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.
2. Được biết, đọc, ghi chép, sao chụp và xem các tài liệu, chứng cứ do đương sự khác cung cấp hoặc do Tòa án thu thập.
3. Yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức đang lưu giữ, quản lý chứng cứ cung cấp chứng cứ đó cho mình để giao nộp cho Tòa án.
4. Đề nghị Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ của vụ án mà tự mình không thể thực hiện được; đề nghị Tòa án triệu tập người làm chứng, trưng cầu giám định, định giá tài sản, thẩm định giá tài sản.
5. Yêu cầu Tòa án áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời.
6. Tham gia phiên tòa.
7. Đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án.
8. Ủy quyền bằng văn bản cho luật sư hoặc người khác đại diện cho mình tham gia tố tụng.
9. Yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng.
10. Đề nghị Tòa án đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng.
11. Đối thoại trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.
12. Nhận thông báo hợp lệ để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình.
13. Tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

14. Tranh luận tại phiên Tòa.
15. Kháng cáo, khiếu nại bản án, quyết định của Tòa án.
16. Đề nghị người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.
17. Được cấp trích lục bản án, bản án, quyết định của Tòa án.
18. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, chứng cứ có liên quan theo yêu cầu của Tòa án.
19. Phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và chấp hành các quyết định của Tòa án trong thời gian giải quyết vụ án.
20. Tôn trọng Tòa án, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa.
21. Nộp tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí, án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp kháng cáo thì đối tượng được ủy quyền tham gia tố tụng tạm ứng đóng án phí, lệ phí, được trích từ nguồn ngân sách quận.
22. Chấp hành nghiêm chỉnh bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.
23. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 7. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân quận

1. Chuyển kịp thời các giấy tờ, hồ sơ liên quan đến vụ kiện hành chính cho các phòng, ban chuyên môn có liên quan đến vụ kiện hành chính.
2. Xây dựng, theo dõi toàn bộ các hoạt động về giám sát, thông tin, báo cáo của các phòng, ban chuyên môn khi được ủy quyền tham dự tại Tòa án nhân dân các cấp.
3. Nhắc nhở, đôn đốc việc chấp hành các quy định theo Quy chế này của các phòng, ban chuyên môn và đánh giá kết quả thực hiện thông qua thang điểm thi đua đối với các nội dung liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm của Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn có liên quan đến vụ kiện Tố tụng hành chính

1. Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận văn bản về việc ủy quyền cho

các đối tượng thuộc Khoản 2, Điều 3 Chương I của Quy chế này sau khi nhận được các giấy tờ, hồ sơ liên quan đến vụ kiện hành chính từ Văn phòng Ủy ban nhân dân quận nhằm đảm bảo thời gian, trình tự tham gia tố tụng hành chính.

2. Thực hiện hoặc phân công chuyên viên tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp khi được ủy quyền từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

3. Thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng hành chính.

4. Thực hiện thông tin, báo cáo kịp thời đúng nội dung quy định theo Quy chế bằng văn bản đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, trong đó cần phân tích cụ thể các cơ sở, căn cứ pháp luật bảo vệ cho tính hợp pháp các Quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân quận.

5. Đảm bảo thời hạn quy định của thông tin, báo cáo và quy trình thực hiện chế độ ủy quyền tham gia tố tụng hành chính tại Tòa án.

6. Riêng Thanh tra quận thực hiện theo Khoản 7 Điều 54 Luật Tố tụng hành chính.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 9. Chế độ và hình thức thông tin, báo cáo khi tiếp nhận thông báo thụ lý vụ án cho đến khi kết thúc việc giải quyết vụ án

1. Khi tiếp nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, Thủ trưởng phòng, ban chuyên môn có liên quan vụ kiện phải có báo cáo bằng văn bản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đính kèm hồ sơ giải quyết khiếu nại (nếu có), bản sao các văn bản, tài liệu mà căn cứ vào đó để ra Quyết định hành chính, Quyết định giải quyết khiếu nại về hành vi hành chính và các chứng cứ theo quy định tại Điều 75 Luật Tố tụng hành chính.

2. Khi kết thúc phiên Tòa, Thủ trưởng phòng, ban chuyên môn có liên quan vụ kiện phải có báo cáo bằng văn bản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về nội dung xét xử và phán quyết của Tòa án, kiến nghị có kháng án hay không và nêu rõ cơ sở pháp lý để kháng án (nếu bị thua kiện).

Điều 10. Nội dung thông tin, báo cáo

Nội dung của báo cáo bao gồm ý kiến của phòng, ban chuyên môn:

1. Trường hợp Tòa án công nhận Quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân quận là đúng quy định pháp luật thì chỉ báo cáo về bản án của Tòa án.

2. Trường hợp Tòa án không công nhận Quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân quận thì báo cáo phải nêu rõ sự hợp pháp về thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính bị khiếu kiện, thời hiệu ban hành Quyết định hành chính bị khiếu kiện, thời hạn ban hành Quyết định hành chính bị khiếu kiện, sự hợp pháp của Quyết định hành chính bị khiếu kiện về nội dung, về trình tự thủ tục ban hành. Các tiêu chí đánh giá tính hợp pháp đối với vụ kiện về hành vi hành chính.

Điều 11. Quy trình thông tin, báo cáo

1. Đối với vụ kiện hành chính sơ thẩm:

a) Khi tiếp nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, Thủ trưởng phòng, ban chuyên môn có liên quan vụ kiện phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận trong thời gian 07 ngày làm việc và nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu của người khiếu kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có) trong thời gian 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận thông báo thụ lý vụ án.

b) Khi kết thúc phiên Tòa, Thủ trưởng phòng, ban chuyên môn có liên quan vụ kiện phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận trong vòng 03 ngày làm việc và làm thủ tục kháng án trong 10 ngày làm việc (nếu có kháng án) tính từ khi Tòa tuyên án trong trường hợp bị thua kiện.

2. Đối với vụ kiện hành chính phúc thẩm:

a) Khi tiếp nhận Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm của Tòa án, Thủ trưởng phòng, ban chuyên môn có liên quan vụ kiện phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận trong thời gian 07 ngày làm việc, trong đó có nêu thêm ý kiến của mình sau khi rà soát lại cơ sở pháp lý của Quyết định hành chính, Quyết định giải quyết khiếu nại về hành vi hành chính và các vấn đề mới phát sinh trong phiên Tòa sơ thẩm (nếu có).

b) Khi kết thúc phiên tòa, Thủ trưởng phòng, ban chuyên môn có liên quan vụ kiện phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận trong thời gian 07 ngày làm việc tính từ khi Tòa tuyên án. Sau khi nhận được bản án thì tiếp tục báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận trong thời hạn 03 ngày làm việc.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế khi được ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận tham dự tại Tòa án nhân dân các cấp trong các vụ kiện hành chính.

2. Trưởng các phòng, ban chuyên môn chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về việc thực hiện các nội dung quy định trong Quy chế khi được ủy quyền tham dự tại Tòa án nhân dân các cấp trong các vụ kiện hành chính./.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2013/QĐ-UBND

*Cử Chi, ngày 11 tháng 01 năm 2013***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Phòng Nội vụ huyện Cử Chi****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/QĐ-UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Căn cứ Thông tư số 02/2010/TT-BNV ngày 28 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Văn thư, Lưu trữ Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp;

Căn cứ Thông tư số 04/2011/TT-BNV ngày 10 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn bổ sung nhiệm vụ, tổ chức và biên chế của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện về công tác thanh niên;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 9312/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về việc thành lập Phòng Nội vụ huyện Củ Chi trên cơ sở sáp nhập Ban Tôn giáo, Tổ chuyên trách Cải cách hành chính huyện và chuyển bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng từ Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân vào Phòng Nội vụ;

Xét Công văn số 01/TP ngày 02 tháng 01 năm 2013 của Trưởng Phòng Tư pháp huyện về việc thẩm định và góp ý dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 35/TTr-PNV ngày 09 tháng 01 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ huyện Củ Chi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 27/2008/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ huyện Cử Chi
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)*

Chương I VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Nội vụ huyện Cử Chi là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi, chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh.

Phòng Nội vụ huyện có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

2. Chức năng:

Phòng Nội vụ huyện có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tổ chức, biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; cán bộ, công chức xã - thị trấn; hội, tổ chức phi chính phủ; quỹ trong trường hợp có sự ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; thi đua, khen thưởng và công tác thanh niên.

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Nội vụ huyện có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân huyện các văn bản hướng dẫn về công tác nội vụ trên địa bàn và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2. Trình Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao.

4. Về tổ chức, bộ máy:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp huyện theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Trình Ủy ban nhân dân huyện quyết định hoặc đề Ủy ban nhân dân huyện trình cấp có thẩm quyền quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện;

c) Xây dựng đề án thành lập, sáp nhập, giải thể các tổ chức sự nghiệp trình cấp có thẩm quyền quyết định;

d) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập các tổ chức phối hợp liên ngành cấp huyện theo quy định của pháp luật.

5. Về quản lý và sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp:

a) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp hàng năm;

b) Giúp Ủy ban nhân dân huyện hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế hành chính, sự nghiệp;

c) Giúp Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp chung việc thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các cơ quan chuyên môn, tổ chức sự nghiệp cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

6. Về công tác xây dựng chính quyền:

a) Giúp Ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo phân công của Ủy ban nhân dân huyện và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Thực hiện các thủ tục để Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện phê chuẩn các chức danh lãnh đạo của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn; giúp Ủy ban nhân dân huyện trình Ủy ban nhân dân thành phố phê chuẩn các chức danh bầu cử theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện xây dựng đề án thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính trên địa bàn để Ủy ban nhân dân huyện trình các cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ, mốc, chỉ giới, bản đồ địa giới hành chính của huyện;

d) Giúp Ủy ban nhân dân huyện trong việc hướng dẫn thành lập, giải thể, sáp nhập và kiểm tra, tổng hợp báo cáo về hoạt động của ấp, khu phố; tổ nhân dân, tổ dân phố trên địa bàn huyện theo quy định; bồi dưỡng công tác cho các chức danh ở khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân.

7. Giúp Ủy ban nhân dân huyện trong việc hướng dẫn, kiểm tra tổng hợp báo cáo việc thực hiện pháp luật về dân chủ cơ sở đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

8. Về cán bộ, công chức, viên chức:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện trong việc tuyển dụng, sử dụng, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đánh giá; thực hiện chính sách, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức quản lý đối với cán bộ, công chức, viên chức;

b) Thực hiện việc tuyển dụng, quản lý công chức xã, thị trấn và thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức và cán bộ không chuyên trách xã, thị trấn theo phân cấp.

9. Về cải cách hành chính:

a) Giúp Ủy ban nhân dân huyện triển khai, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn cùng cấp và Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn thực hiện công tác cải cách hành chính ở địa phương;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện về chủ trương, biện pháp đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn huyện;

c) Tổng hợp công tác cải cách hành chính ở địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và thành phố.

10. Giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của hội và tổ chức phi chính phủ trên địa bàn;

11. Giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước đối với quỹ trong trường hợp có sự ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

12. Về công tác văn thư, lưu trữ:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, quy định về văn thư, lưu trữ của Nhà nước và của thành phố đối với các cơ quan, tổ chức ở cấp huyện và các xã – thị trấn;

b) Thực hiện báo cáo, thống kê về văn thư, lưu trữ theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức sơ kết, tổng kết và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong hoạt động văn thư, lưu trữ.

d) Quản lý tài liệu lưu trữ của cấp huyện theo hướng dẫn của Sở Nội vụ;

e) Thực hiện một số dịch vụ công về văn thư, lưu trữ.

13. Về công tác tôn giáo:

a) Giúp Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo và công tác tôn giáo trên địa bàn;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn cùng cấp để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật.

14. Về công tác thi đua, khen thưởng:

a) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân huyện tổ chức các phong trào thi đua và triển khai thực hiện chính sách khen thưởng của Đảng và Nhà nước trên địa bàn huyện; làm nhiệm vụ thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch, nội dung thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện; xây dựng, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

15. Về công tác thanh niên:

a) Trình Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác thanh niên được giao;

b) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về thanh niên và công tác thanh niên sau khi được phê duyệt;

c) Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên được giao.

16. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết các khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm về công tác nội vụ theo thẩm quyền.

17. Thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và Giám đốc Sở Nội vụ về tình hình, kết quả triển khai công tác nội vụ trên địa bàn.

18. Tổ chức triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về công tác nội vụ trên địa bàn.

19. Quản lý tổ chức, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Phòng Nội vụ huyện theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân huyện.

20. Quản lý tài chính, tài sản của Phòng Nội vụ huyện theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân huyện.

21. Giúp Ủy ban nhân dân huyện quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân xã, thị trấn về công tác nội vụ và các lĩnh vực công tác khác được giao trên cơ sở quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Sở Nội vụ.

22. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ủy ban nhân dân huyện.

Chương III **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ**

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Nội vụ huyện có Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và cán bộ, công chức.

a) Trưởng Phòng Nội vụ chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, đồng thời chịu trách nhiệm trước giám đốc Sở Nội vụ thành phố về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng.

b) Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng.

c) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, thực hiện chế độ chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định.

2. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác quản lý nhà nước về nội vụ trên địa bàn huyện được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, bộ máy Phòng Nội vụ gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Phòng như sau:

3.1. Công tác tổ chức bộ máy;

3.2. Quản lý và sử dụng biên chế hành chính - sự nghiệp;

3.3. Công tác xây dựng chính quyền;

3.4. Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp báo cáo việc thực hiện pháp luật về dân chủ cơ sở đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, xã, phường - thị trấn trên địa bàn huyện;

3.5. Công tác cán bộ, chế độ chính sách, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn - nghiệp vụ - theo quy định pháp luật và theo phân cấp của huyện;

3.6. Công tác cải cách hành chính;

3.7. Quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của hội; quỹ; tổ chức phi chính phủ trên địa bàn huyện;

3.8. Công tác văn thư, lưu trữ;

3.9. Công tác tôn giáo;

3.10. Công tác thi đua, khen thưởng;

3.11. Công tác thanh niên;

3.12. Công tác thanh tra, kiểm tra giải quyết khiếu nại tố cáo;

3.13. Công tác tổ chức triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về nội vụ trên địa bàn huyện;

3.15. Công tác thống kê, thông tin báo cáo; quản lý tài chính - tài sản.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể của Phòng, mỗi mục công tác nói trên, được cụ thể hóa thành những nhiệm vụ chi tiết, những công việc, phần việc rành mạch, rõ ràng để xác định chức danh công chức và số lượng biên chế phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể làm công tác quản lý ngành của Phòng Nội vụ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho huyện hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành các hoạt động của phòng và phụ trách công tác tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, công tác tôn giáo, thi đua khen thưởng, kỷ luật, thanh tra, kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo, cải cách hành chính, kê khai minh bạch tài sản cán bộ, công chức.

Phó Trưởng phòng phụ trách công tác chế độ chính sách, biên chế tiền lương, đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ, xây dựng hệ thống thông tin và trực tiếp giải quyết những công việc phát sinh ở lĩnh vực này.

Phó Trưởng phòng phụ trách công tác xây dựng chính quyền, phụ trách xã - thị trấn, các hoạt động của hội và tổ chức phi chính phủ trên địa bàn huyện, văn thư lưu trữ, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan và cơ sở, quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và trực tiếp giải quyết những công việc phát sinh ở lĩnh vực này.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó

được thực hiện, nhưng cán bộ, chuyên viên phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt, hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban 1 lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cơ quan 01 lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; Nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Phòng có thể tổ chức họp đột xuất để phổ biến, triển khai các công việc cần thiết và cấp bách theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân huyện hoặc lãnh đạo Sở Nội vụ thành phố.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân huyện:

Phòng Nội vụ huyện chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân huyện về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng. Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân huyện về những mặt công tác đã được phân công.

Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân huyện về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

2. Đối với Sở Nội vụ:

Phòng Nội vụ huyện chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nội vụ, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Nội vụ.

3. Đối với Ban Tổ chức Huyện ủy:

Phối hợp, bàn bạc trong việc giải quyết những vấn đề về tổ chức cán bộ thuộc diện Huyện ủy quản lý theo yêu cầu của Thường trực Ủy ban nhân dân huyện; đồng thời thường xuyên liên hệ để nắm được chủ trương của cấp ủy qua từng thời kỳ về công tác tổ chức và cán bộ để có kế hoạch thực hiện thống nhất.

4. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc huyện:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân huyện, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của huyện. Trường hợp chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Trưởng các phòng chuyên môn khác, Trưởng Phòng Nội vụ huyện chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng.

b) Hướng dẫn cán bộ các xã, thị trấn về chuyên môn nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

c) Đảm bảo các chế độ nhà nước ban hành và quy định của Ủy ban nhân dân thành phố về xây dựng, củng cố chính quyền cơ sở được thực hiện thông suốt.

6. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của huyện:

Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân huyện giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Nội vụ huyện có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức của Phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương nhưng không trái với nội dung Quy chế này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định để thi hành.

Điều 9. Trưởng Phòng Nội vụ huyện và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ sau khi được Ủy ban nhân dân huyện quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2013/CT-UBND

Hóc Môn, ngày 09 tháng 01 năm 2013

CHỈ THỊ

**Về công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ,
phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân;
tuyển sinh quân sự; đăng ký, quản lý, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng
động viên, sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên năm 2013**

Những năm qua, huyện Hóc Môn luôn hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân ở cả 2 cấp xã - thị trấn và huyện; công tác tuyển sinh quân sự luôn hoàn thành được chỉ tiêu trên giao; công tác đăng ký, quản lý, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu đều đạt được chỉ tiêu trên giao. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vẫn còn một số tồn tại làm ảnh hưởng đến chất lượng công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; tuyển thanh niên phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; tuyển sinh quân sự; đăng ký, quản lý, huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu lực lượng dự bị động viên của huyện.

Nhằm phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những thiếu sót, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ và phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân (bao gồm cả tuyển cho lực lượng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy); đăng ký, quản lý, huấn luyện quân nhân dự bị; tuyển sinh quân sự năm 2013; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn chỉ thị:

1. Giao trách nhiệm cho Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện kiện toàn Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự huyện, Ban tuyển sinh quân sự đủ số lượng, đúng thành phần theo quy định; hướng dẫn Hội đồng Nghĩa vụ Quân sự các xã - thị trấn thực hiện nghiêm túc quy trình tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; thực hiện hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân; chỉ tiêu tuyển công dân phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân và lực lượng Cảnh sát Phòng

cháy và chữa cháy; chỉ tiêu tuyển sinh quân sự; chỉ tiêu huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng chiến đấu của lực lượng dự bị động viên năm 2013; thực hiện hoàn thành chỉ tiêu tuyển 2% đảng viên có thời hạn kết nạp trên 6 tháng vào quân đội; phân đấu tuyển từ 40% thanh niên tốt nghiệp Trung học phổ thông và 15% thanh niên có trình độ Trung cấp, Cao đẳng, Đại học vào quân đội.

Phối hợp chặt chẽ với Công an huyện trong công tác quản lý nguồn thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, lực lượng dự bị động viên; phối hợp với các ngành chức năng và chính quyền địa phương xử lý nghiêm số thanh niên vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật.

2. Giao Trưởng Công an huyện chỉ đạo Công an các xã - thị trấn phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự cùng cấp thực hiện tốt quy trình tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ; tuyển công dân phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân; phối hợp với Ban chỉ huy quân sự huyện quản lý chặt chẽ nguồn thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, lực lượng dự bị động viên. Chỉ đạo Công an các xã - thị trấn tổ chức xác minh lai lịch chính trị, phẩm chất đạo đức của thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ theo Thông tư số 76/2006/TTLT-BQP-BCA ngày 03 tháng 5 năm 2006 của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

3. Giao Trưởng Phòng Tư pháp huyện phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự huyện, Công an huyện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật đối với lĩnh vực tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ đề xuất Ủy ban nhân dân huyện điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Giao Trưởng phòng Y tế huyện phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự huyện, Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn, Trung tâm Y tế Dự phòng thực hiện nghiêm Thông tư liên tịch số 36/2011/TTLT-BYT-BQP ngày 17 tháng 10 năm 2011 của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng củng cố, bổ sung đủ thành phần cho Hội đồng khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự, tổ chức kiểm tra sức khỏe cho số quân nhân dự bị trước khi huấn luyện, công dân đăng ký nghĩa vụ quân sự 17 tuổi và công dân từ 18 tuổi đến 25 tuổi trong kế hoạch tuyển chọn gọi nhập ngũ, tổ chức tư vấn HIV cho số thanh niên đạt sức khỏe gọi nhập ngũ, phát hiện kịp thời những trường hợp nhiễm HIV, nghiện ma túy đề xuất Hội đồng Nghĩa vụ quân sự loại khỏi danh sách trúng tuyển.

5. Giao Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện hướng dẫn Hội đồng Giáo dục các xã - thị trấn nắm chắc trình độ học vấn của thanh niên để tránh sai sót trong công tác gọi nhập ngũ, rà soát đề nghị tạm hoãn nghĩa vụ quân sự trong thời bình cho số học sinh, sinh viên đang theo học tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học phổ

thông, Trung cấp chuyên nghiệp, Trường dạy nghề theo Thông tư liên tịch số 175/2011/TTLT-BQP-BGDĐT ngày 13 tháng 9 năm 2011 của Bộ Quốc phòng và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Giao Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin huyện hướng dẫn các cơ quan chức năng liên quan như Đài Truyền thanh, Trung tâm Văn hóa... tổ chức tuyên truyền sâu rộng Luật Nghĩa vụ quân sự trong nhân dân, giới thiệu những tấm gương thanh niên tình nguyện gia nhập quân đội, những tập thể thực hiện tốt công tác tuyển quân nhất là trong cao điểm thực hiện quy trình tuyển quân của huyện; chỉ đạo tổ chức trang trí địa điểm giao quân long trọng, chu đáo, tạo khí thế sôi nổi của ngày Hội thanh niên tham gia quân đội thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

7. Giao Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch bảo đảm kinh phí phục vụ cho công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, các hoạt động khác phục vụ cho công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự; công tác động viên quân đội; tuyển sinh quân sự từ thành phố đến huyện, xã - thị trấn.

8. Giao trách nhiệm cho Giám đốc Trung tâm Dạy nghề huyện chủ động sắp xếp lịch học tại Trung tâm; bảo đảm nơi ở của thanh niên trúng tuyển nghĩa vụ quân sự và địa điểm tổ chức hội trại tòng quân, lễ tiễn quân an toàn, chu đáo theo kế hoạch.

9. Đề nghị Ban thường vụ Huyện đoàn có kế hoạch chỉ đạo Xã - Thị đoàn tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục cho đoàn viên thanh niên chấp hành nghiêm Luật nghĩa vụ quân sự; tổ chức bồi dưỡng, giáo dục, kết nạp Đoàn cho số thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ; tạo nguồn đoàn viên ưu tú trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ giới thiệu sang Đảng xem xét kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam để thực hiện chỉ tiêu tuyển đảng viên trẻ nhập ngũ hàng năm; kết hợp cùng Ban Chỉ huy Quân sự huyện và các cơ quan chức năng liên quan tổ chức chu đáo ngày hội tòng quân và lễ giao quân.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện phối hợp với các đoàn thể chính trị xã hội đến các đơn vị thăm, tặng quà cho số quân nhân nhập ngũ năm 2012 và năm 2013.

11. Đề nghị các cơ quan thành viên Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công xây dựng kế hoạch hợp đồng với cơ quan thường trực Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện thực hiện nghiêm túc quy trình tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; có kế hoạch chỉ đạo cơ quan thành viên Hội đồng Nghĩa vụ quân sự xã - thị trấn thực hiện nghiêm túc chức năng, nhiệm vụ được phân công tại địa phương; tổ chức tuyên truyền sâu rộng Luật Nghĩa vụ quân sự trong nhân dân.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, Liên đoàn Lao động huyện, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh huyện căn cứ vào nhiệm vụ được phân công phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thành viên Hội đồng Nghĩa vụ quân sự huyện tăng cường công tác tuyên truyền vận động thanh niên chấp hành nghiêm lệnh gọi nhập ngũ; động viên kịp thời lực lượng dự bị động viên chấp hành tốt lệnh điều động huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

13. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn củng cố, kiện toàn Hội đồng Nghĩa vụ quân sự đúng thành phần, số lượng quy định; phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng tại địa phương tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên và Luật Nghĩa vụ quân sự, tổ chức thực hiện các bước theo qui trình tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, có kế hoạch tuyên truyền vận động sâu rộng để thanh niên an tâm lên đường nhập ngũ, không đào bỏ ngũ góp phần hoàn thành thắng lợi chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ năm 2013; tiếp tục quan tâm chăm lo chính sách hậu phương quân đội, tổ chức tiếp đón chu đáo và tạo điều kiện cho quân nhân xuất ngũ trở về địa phương sớm có việc làm ổn định; giải quyết kịp thời khó khăn của những gia đình có con em đang phục vụ tại ngũ để con em an tâm công tác hoàn thành nhiệm vụ.

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn thực hiện nghiêm Chỉ thị này.

Chỉ thị này có hiệu lực sau bảy ngày kể từ ngày ký ban hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Văn Thị Bạch Tuyết

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6708/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH****Về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị
tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu Trung tâm hiện hữu
thành phố Hồ Chí Minh (930ha)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ xây dựng về quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch - Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với Nhiệm vụ và Đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5169/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt Nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu Trung tâm hiện hữu thành phố Hồ Chí Minh (thuộc gói thầu “Lập Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 và Quy chế quản lý kiến trúc đô thị cấp 2 Khu Trung tâm hiện hữu thành phố Hồ Chí Minh”);

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3865/TTr-SQHKT ngày 20 tháng 11 năm 2012 và Tờ trình số 4395/TTr-SQHKT ngày 28 tháng 12 năm 2012 về trình phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu Trung tâm hiện hữu thành phố Hồ Chí Minh (thuộc gói thầu “Lập Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 và Quy chế quản lý kiến trúc đô thị cấp 2 Khu trung tâm hiện hữu thành phố Hồ Chí Minh”),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu trung tâm hiện hữu thành phố Hồ Chí Minh (930 ha) với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, diện tích và phạm vi ranh giới khu vực quy hoạch:

Khu Trung tâm hiện hữu thành phố Hồ Chí Minh (bao gồm một phần các quận 1, 3, 4, Bình Thạnh). Vị trí ranh giới quy hoạch:

+ Phía Bắc: giáp đường Nguyễn Hữu Cảnh - rạch Thị Nghè

+ Phía Tây: giáp đường Đinh Tiên Hoàng - đường Võ Thị Sáu - đường Cách Mạng Tháng Tám.

+ Phía Nam: giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai- đường Cống Quỳnh- đường Nguyễn Cư Trinh- đường Nguyễn Thái Học- cầu Ông Lãnh - đường Vĩnh Phước- đường Hoàng Diệu và đường Nguyễn Tất Thành.

+ Phía Đông: giáp sông Sài Gòn.

- Quy mô: khu vực quy hoạch có diện tích khoảng 930ha, bao gồm các quận, phường sau đây:

Quận	Các phường có liên quan
Quận 1	Các phường Nguyễn Thái Bình, Bến Thành, Bến Nghé, Phạm Ngũ Lão, một phần phường Cầu Ông Lãnh, một phần phường Đa Kao
Quận 3	Phường 6, một phần phường 7
Quận 4	Các phường 9, 12, 13, 18
Quận Bình Thạnh	Phường 22 và một phần phường 19

2. Cơ quan tổ chức lập đề án quy hoạch đô thị: Ban Quản lý dự án quy hoạch xây dựng thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

3. Đơn vị tư vấn lập đề án quy hoạch đô thị: Công ty Nikken Sekkei (Nhật Bản)

4. Danh mục các bản vẽ đề án quy hoạch phân khu:

- Thuyết minh tổng hợp;
- Thành phần bản vẽ bao gồm:
 - + Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất quy hoạch;
 - + Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng tỷ lệ 1/2000;
 - + Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường tỷ lệ 1/2000, gồm:
 - Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông
 - Bản đồ hiện trạng cao độ nền và thoát nước mặt
 - Bản đồ hiện trạng cấp điện
 - Bản đồ hiện trạng cấp nước
 - Bản đồ hiện trạng thoát nước thải và xử lý chất rắn
 - + Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất tỷ lệ 1/2000;
 - + Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan tỷ lệ 1/2000;
 - + Bản vẽ bố cục không gian kiến trúc công trình và vị trí không gian ngầm tỷ lệ 1/2000;
 - + Các bản vẽ thiết kế đô thị toàn khu vực quy hoạch;
 - + Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ tỷ lệ 1/2000;
 - + Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác và môi trường tỷ lệ 1/2000, gồm:

- Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt
 - Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị
 - Bản đồ quy hoạch cấp nước
 - Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn
- + Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật tỷ lệ 1/2000;
- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu.

5. Dự báo quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:

5.1. Dự báo quy mô dân số:

- Quy mô dân số dự kiến đến năm 2020 của khu vực nghiên cứu khoảng 248.190 người (so với quy mô dân số dự kiến là 273.000 người tại nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu 930 ha được duyệt, quy mô dân số hiện nay giảm do cân đối điều chỉnh lại chức năng quy hoạch Khu Trung tâm và cập nhật hiện trạng dân số theo điều tra thống kê dân số mới nhất) phân bổ đối với từng phân khu như sau:

Phân khu	Dân số dự kiến
Phân khu 1 (Khu lõi Trung tâm Thương mại - Tài chính)	31.800
Phân khu 2 (Khu Trung tâm Văn hóa - Lịch sử)	42.700
Phân khu 3 (Khu bờ Tây sông Sài Gòn)	46.560 ~ 56.490***
Phân khu 4 (khu thấp tầng)	74.400
Phân khu 5 (khu lân cận lõi trung tâm)	42.800

- Quy mô dân số dự kiến dựa trên các tiêu chí: hạn chế tăng quy mô dân số, tái định cư tại chỗ và tái định cư tại các khu vực lân cận trong phạm vi quận 1, quận 3, và bổ sung dân số đối với quận Bình Thạnh.

5.2. Các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:

Bảng cân bằng đất đai

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
A	ĐẤT DÂN DỤNG	789,07	84,94
1	Phức hợp	141,45	15,23

2	Phức hợp chủ đạo ở	126,44	13,61
3	Phức hợp chủ đạo văn hóa/giải trí	6,53	0,70
4	Phức hợp chủ đạo văn phòng	22,27	2,40
5	Văn phòng điếm nhân	5,18	0,56
6	Phức hợp chủ đạo khách sạn	24,84	2,67
7	Thương mại	3,13	0,34
8	Ở (Khu Saigon Pearl và Khu dân cư đầu cầu Thủ Thiêm 3)	6,90	0,74
9	Giáo dục	34,17	3,68
10	Y tế	14,35	1,54
11	Hành chính	76,16	8,20
12	Thảo Cầm viên Sài Gòn	19,10	2,06
13	Chợ Bến Thành	1,27	0,14
14	Phức hợp nhà ga xe buýt (Khu cảng quận 4)	1,00	0,11
15	Phức hợp và bãi đậu xe bên phà (Khu cảng quận 4)	2,25	0,24
16	Bảo tàng Hồ Chí Minh và công viên (Khu cảng Quận 4)	2,94	0,32
17	Công viên cây xanh	59,43	6,40
18	Quảng trường/đường dạo	4,41	0,47
19	Cây xanh cách ly	1,99	0,21
20	Quảng trường ga	3,24	0,35
21	Không gian mở dọc lối đi (Khu cảng quận 4)	0,51	0,05
22	Quảng trường nhà ga bên phà (Khu cảng quận 4)	0,72	0,08
23	Đường giao thông $\geq 12\text{m}$	208,61	22,45
24	Đường giao thông $< 12\text{m}$	0,83	0,09
25	Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Cầu Thủ Thiêm 2, đường Nguyễn Tất Thành, Cầu Thủ Thiêm 1, Cầu Sài Gòn, phần nổi của đường ngầm Tôn Đức Thắng, tuyến LRT đoạn qua công viên Bến Bạch Đằng, tuyến UMRT đoạn qua Ba Son	21,33	2,30
B	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	139,94	15,06
1	Trạm bơm (Khu Nam Thị Nghè)	0,66	0,07
2	Trạm xăng (Khu cảng quận 4)	0,03	0,00
3	Đất tôn giáo hiện hữu	15,31	1,65

4	Đất hải quân (Khu Tân Cảng), đất quân sự (Khu cảng quận 4)	6,65	0,72
5	Sông ngòi, kênh rạch	117,29	12,63
TỔNG		929,02	100,00

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

STT	Loại đất	ĐVT	Theo đồ án đề xuất	So với QCXDVN 01:2008/BXD	
1	Diện tích toàn khu	ha	929,02		
2	Dân số dự kiến	người	248.190		
3	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu				
	Chỉ tiêu đất đơn vị ở trung bình		m ² /người	16,5	≤50
	+ Đất nhóm nhà ở		m ² /người	9,2	
	+ Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở	Tổng	m ² /người	0,8	
		Giáo dục	m ² /người	0,7	≥ 2.7
	+ Đất cây xanh sử dụng công cộng		m ² /người	0,2	≥ 2,0
	+ Đất giao thông (đến đường cấp phân khu vực)	Mật độ	m ² /người	17,0	10 – 13,3
Sử dụng đất		m ² /người	6,2		
4	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật				
	+ Tiêu chuẩn cấp nước		lít/người/ngày	180	
	+ Tiêu chuẩn thoát nước		lít/người/ngày	180	
	+ Tiêu chuẩn cấp điện		KWh/người/năm	1.400 ~ 2.400	
+ Tiêu chuẩn rác thải và vệ sinh môi trường		Kg/người/ngày	1,3		
5	Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc				
	Hệ số sử dụng đất	Trên diện tích đất xây dựng (Thuần trung bình)*		3,80	
Toàn khu (Gộp)**			2,4		

Chiều cao	Tối đa	m	230	
	Tối thiểu	m	4	
Mật độ xây dựng		%	3~80	

(*) Hệ số sử dụng đất thuần trung bình = Tổng diện tích sàn/Tổng diện tích lô đất xây dựng

(**) Hệ số sử dụng đất gộp = Tổng Diện tích sàn (kể cả tổng Diện tích sàn trong công viên)/Tổng diện tích khu đất, không tính diện tích mặt nước.

6. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

6.1. Nguyên tắc chung:

Việc phân khu chức năng đảm bảo ý tưởng của phương án đạt giải nhất cuộc thi “Ý tưởng thiết kế đô thị khu trung tâm hiện hữu mở rộng Thành phố Hồ Chí Minh”. Phù hợp với đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 1, quận 3, quận 4 và quận Bình Thạnh được duyệt.

6.2. Các khu chức năng chính trong khu vực quy hoạch:

Trên cơ sở nguyên tắc trên, khu vực quy hoạch được phân chia thành các vùng đặc thù với các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, định hướng quy hoạch và giải pháp phát triển cải tạo đô thị phù hợp bao gồm 5 phân khu:

Phân khu 1: Khu lõi Trung tâm Thương mại - Tài Chính (CBD)

Phân khu 2: Khu Trung tâm Văn hóa - Lịch sử

Phân khu 3: Khu bờ Tây sông Sài Gòn

Phân khu 4: Khu thấp tầng

Phân khu 5: Khu lân cận lõi trung tâm (CBD)

- Trong các phân khu chức năng nêu trên, ngoài các chức năng chính còn bao gồm các chức năng khác (đa chức năng) đảm bảo hoạt động của khu trung tâm thành phố.

6.2.1. Phân khu 1 (Khu lõi Trung tâm Thương mại Tài Chính - CBD): Là khu vực tập trung các công trình có chức năng Thương mại - Tài Chính (CBD) của thành phố, đây cũng là khu vực lõi trung tâm kinh doanh thương mại; phát triển với chức năng kinh doanh, thương mại, khách sạn, du lịch và hành chính, dịch vụ công cộng; toàn bộ nằm trong ranh giới quận 1 (giới hạn bởi: phía Bắc và phía Đông giáp đường Tôn Đức Thắng, phía Tây giáp đường Lê Lai và Lê Thánh Tôn, phía Nam giáp đường Phạm Ngũ Lão và Hàm Nghi), có diện tích khoảng 92,3ha.

Bảng cân bằng đất đai và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong phân khu thể hiện tại phụ lục 1.

6.2.2. Phân khu 2 (Khu Trung tâm Văn hóa - Lịch sử): Là khu vực tập trung các công trình có chức năng Văn hóa - Lịch sử, là trục trung tâm văn hóa lịch sử, quanh trục đường Lê Duẩn; phát triển với chức năng văn hóa, kinh doanh, thương mại, du lịch, dân cư và giáo dục; toàn bộ nằm trong ranh giới quận 1 (giới hạn bởi: phía Bắc giáp rạch Thị Nghè và đường Hoàng Sa, phía Tây giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai, phía Nam giáp đường Cống Quỳnh, phía Đông giáp đường Lê Lai và Lê Thánh Tôn), có diện tích khoảng 212,2 ha.

Bảng cân bằng đất đai và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong phân khu thể hiện tại phụ lục 1.

6.2.3. Phân khu 3 (Khu bờ Tây sông Sài Gòn): Là khu vực phát triển mới đa chức năng, trải dài từ cầu Sài Gòn đến cầu Tân Thuận, thuộc một phần quận Bình Thạnh, quận 1 và quận 4 (giới hạn bởi: phía Bắc giáp cầu Sài Gòn, phía Tây giáp đường Nguyễn Hữu Cảnh, Tôn Đức Thắng, phía Nam giáp đường Nguyễn Tất Thành, kênh Tẻ, phía Đông giáp sông Sài Gòn), có diện tích khoảng 274.8 ha.

Bảng cân bằng đất đai và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong phân khu thể hiện tại phụ lục 1.

6.2.4. Phân khu 4 (Khu thấp tầng): Là khu dân cư hiện hữu, khu vực có nhiều công trình nhà biệt thự từ thời Pháp thuộc; phát triển với chức năng khu dân cư, văn hóa, giáo dục và thương mại thấp tầng thuộc một phần quận 1 và quận 3 (giới hạn bởi: phía Bắc giáp rạch Thị Nghè và đường Hoàng Sa, phía Tây giáp đường Võ Thị Sáu, phía Nam giáp đường Cách Mạng Tháng Tám, phía Đông giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai), có diện tích khoảng 232,3 ha.

Bảng cân bằng đất đai và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong phân khu thể hiện tại phụ lục 1.

6.2.5. Phân khu 5 (Khu lân cận lõi trung tâm): Là khu vực kế cận phân khu 1 về phía Nam, phát triển với chức năng kinh doanh thương mại tiếp nối từ khu Trung tâm Thương mại - Tài chính, thuộc một phần quận 1 và quận 4 (giới hạn bởi: phía Bắc giáp đường Hàm Nghi và Phạm Ngũ Lão, phía Tây giáp đường Nguyễn Thái Học và Cống Quỳnh, phía Nam giáp đường Hoàng Diệu, phía Đông giáp đường Tôn Đức Thắng và Nguyễn Tất Thành), có diện tích khoảng 117,5 ha.

Bảng cân bằng đất đai và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong phân khu thể hiện tại phụ lục 1.

6.3. Tổ chức không gian kiến trúc, thiết kế đô thị:

6.3.1. Nguyên tắc chung:

- Tuân thủ các Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 1, 3, 4 và Bình Thạnh

- Tầng cao của các công trình mới sẽ thấp dần để tạo sự cân bằng đối với các công trình lịch sử. Tuy nhiên, các công trình trong các khu vực tái phát triển dọc sông Sài Gòn và gần chợ Bến Thành sẽ được xây cao hơn nhằm tạo điểm nhấn kiến trúc. Cùng với việc đảm bảo tầm nhìn từ phía trong ra sông Sài Gòn bằng cách tổ chức tầng cao công trình thấp dần về phía bờ sông, không gian mở và công trình cao tầng điểm nhấn sẽ được bố trí tại các nút giao thông kết nối Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

- Dựa trên ý tưởng của phương án đạt giải nhất Cuộc thi “Ý tưởng thiết kế đô thị khu trung tâm hiện hữu mở rộng Thành phố Hồ Chí Minh” đã được thông qua:

- Hạn chế tăng dân số khu trung tâm.

- Cân đối lại một cách hợp lý việc phát triển cao tầng ở khu vực lõi trung tâm hiện hữu.

- Tập trung phát triển cao tầng, thu hút đầu tư vào các khu vực dọc bờ Tây sông Sài Gòn (khu vực Ba Son, Tân Cảng, khu Cảng Sài Gòn...).

- Mở không gian đô thị về phía sông Sài Gòn: Tổ chức các không gian công cộng liên hoàn dọc bờ Tây sông Sài Gòn. dành mặt đất đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Hàm Nghi đến Công trường Mê Linh) cho không gian đi bộ và xe điện; chuyển giao thông cơ giới xuống đường ngầm bên dưới kết hợp với bãi xe ngầm.

- Nối dài một số trục đường trong đó đặc biệt là trục đường Lê Lợi từ Nhà hát Thành phố qua khu Ba Son, hình thành Đại lộ Lê Lợi tiếp cận về phía bờ sông.

- Tổ chức các loại hình giao thông công cộng như xe điện mặt đất, xe bus nhanh, taxi thủy,...

- Giữ lại toàn bộ khu vực công viên 23/9 làm mảng xanh chính của Khu Trung tâm và kết hợp một số công trình văn hóa.

- Bảo tồn một số khu vực không gian biệt thự quận 3

- Tổ chức hệ thống không gian ngầm và không gian đi bộ.

6.3.2. Tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị các phân khu:

- Phân khu 1:

Tạo sự cân bằng giữa bảo tồn những giá trị cảnh quan lịch sử với phát triển chức

năng đô thị mới của Trung tâm thành phố. Với mục đích này, tầng cao công trình quanh những công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, như trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố, Nhà hát Thành phố và chợ Bến Thành, phải được kiểm soát nghiêm ngặt để có thể giữ gìn cảnh quan lịch sử. Ngoài ra, có thể cho phép phát triển mật độ cao tại các khu vực gần nhà ga UMRT (vận tải đô thị khối lượng lớn, tốc độ cao) và công trường Mê Linh.

Tận dụng cơ hội phát triển nhà ga UMRT ngầm, không gian ngầm, trong đó có đường ngầm, khu mua sắm và đậu xe, sẽ được phát triển dọc theo đường Lê Lợi và Nguyễn Huệ. Những tuyến phố lớn này sẽ trở thành các trục đô thị, kiểm soát chặt chẽ công trình xây dựng và chuyển đổi dần thành khu mua sắm (tuyến phố đi bộ, cấm xe hơi và xe gắn máy; chỉ cho phép phương tiện vận tải công cộng và người đi bộ).

- Phân khu 2:

Trong Phân khu 2, đa số là các khu đất xây dựng mật độ thấp, bao gồm công viên, trường đại học, công trình văn hóa, hành chính, tôn giáo và bệnh viện. Để gắn kết quy mô và tính lịch sử của công trình và cảnh quan, sẽ giữ mật độ xây dựng thấp và vừa để người dân có thể cảm nhận được một không gian rộng mở thoáng đãng với đầy cây xanh của trục đường Lê Duẩn.

Một phần khu vực phía Tây Nam đường Cách Mạng Tháng 8 hiện được đô thị hóa khá dày đặc với chức năng văn phòng, cửa hàng, dân cư... có tiềm năng phát triển khối lượng cao hơn nhờ vào việc cải tạo các nhân tố đô thị hiện hữu.

Đường Lê Duẩn kết nối Dinh Độc Lập và Thảo Cầm Viên Sài Gòn sẽ là trục cây xanh đặc trưng của khu trung tâm hiện hữu bằng cách kết hợp không gian công cộng vào công trình. Do đường Nguyễn Thị Minh Khai là tuyến chính với lộ giới lớn nên cho phép xây dựng phát triển mật độ cao với chức năng phức hợp. Ở những khu khác, sẽ bố trí công trình mật độ vừa hoặc thấp với chức năng chính là hành chính và phức hợp để có thể kết nối các công trình quanh trục cây xanh nói trên.

- Phân khu 3:

Tận dụng ưu thế của bờ sông, hình thành dải công viên văn hóa, giải trí và không gian công cộng dọc bờ sông từ cầu Sài Gòn đến cầu Tân Thuận. Đảm bảo sự tiếp cận của người dân thành phố đến toàn bộ khu vực cây xanh không gian dọc bờ sông.

Định hướng không gian kiến trúc khu vực bờ Tây sông Sài Gòn là phát triển cao tầng với mật độ xây dựng thấp, theo nguyên tắc chiều cao công trình thấp dần từ trong ra phía bờ sông nhằm đảm bảo thông thoáng và kết nối không gian giữa các khu vực bên trong với bờ sông Sài Gòn và công viên dọc bờ sông. Hình thành các điểm

nhân cao tầng tại các đầu mối giao thông kết nối giữa khu trung tâm hiện hữu và Thủ Thiêm. Hình thành các không gian mở tại các vị trí phù hợp.

- Phân khu 4:

Quy mô và đặc trưng cảnh quan đường phố được tạo ra bởi những công trình lịch sử khu vực có nhiều công trình nhà biệt thự từ thời Pháp thuộc là những tài sản quan trọng đối với Khu trung tâm hiện hữu thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, chiều cao và mật độ xây dựng các công trình trong khu biệt thự cần được kiểm soát ở mức thấp hoặc vừa phải. Đặc biệt, ở phía Tây khu vực còn nhiều công trình biệt thự cổ, chiều cao sẽ được kiểm soát chặt chẽ nhằm giữ được không gian kiến trúc cảnh quan hiện hữu cho khu vực, là một không gian thấp tầng.

- Phân khu 5:

Trong khu lân cận CBD, sẽ cho phép phát triển công trình cao tầng ở các vị trí gần với nhà ga Bến Thành, dọc đường Hàm Nghi, kênh Bến Nghé, và đoạn nối dài của đường Nguyễn Thái Học sang quận 4, với chức năng văn phòng và thương mại. Đặc biệt, với các ô phố gần nhà ga Bến Thành - nơi tập trung 4 tuyến UMRT, xe buýt và BRT - sẽ cho phép chiều cao tối đa công trình hơn 200m. Mặt khác, ở các ô phố phức hợp và có chức năng ở, chiều cao tối đa được kiểm soát để tương xứng với các công trình hiện hữu.

6.4. Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình trên từng ô phố:

Trên cơ sở các chỉ tiêu sử dụng đất đơn vị ở, nhóm ở và định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị; các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị (mật độ xây dựng, tầng cao tối đa - tối thiểu, hệ số sử dụng đất) trên từng ô phố được xác định trên bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất và theo bảng tổng hợp tại phụ lục 2.

6.5. Các yêu cầu về quản lý xây dựng:

Để quá trình triển khai xây dựng các hạng mục công trình của đồ án đảm bảo được các mục tiêu ban đầu, đảm bảo các tiêu chí của một khu ở tiện nghi, hiện đại và vệ sinh, đồng thời đảm bảo các tổ chức và bố cục không gian của khu ở theo đúng thiết kế đã được phê duyệt, quá trình quản lý quy hoạch xây dựng tại khu vực cần tuân thủ theo một số yêu cầu sau:

- Đảm bảo các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất của từng lô đất, từng công trình theo đúng quy định đồ án đã đề ra;

- Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc (hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng) được quy định cho từng lô đất, nghiêm cấm tiến hành đầu tư xây dựng bằng cách giả định hoặc áp dụng các chỉ tiêu trên cho toàn ô phố;

- Về khoảng lùi xây dựng công trình đảm bảo theo đúng hồ sơ chỉ giới của đồ án đã được quy định đến từng ô phố;

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình được phép xây dựng phải tuân thủ trình tự đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo các quy định của pháp luật về xây dựng đối với việc khảo sát, thiết kế và thi công các công trình ngầm và tầng hầm nhà cao tầng phải đảm bảo chất lượng và an toàn

7. Phân kỳ đầu tư, xác định danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:

7.1. Phân khu 1: Những dự án ưu tiên đầu tư xây dựng trong Phân khu 1:

- Cải tạo chỉnh trang đường sá.

- Xây dựng các tuyến UMRT số 1, 2, 3A, và 4 và xây dựng nhà ga Bến Thành như một nhà ga trung tâm, xây dựng tuyến LRT, tổ chức tuyến BRT (vận chuyển nhanh bằng xe buýt).

- Xây dựng đường ngầm theo đường Tôn Đức Thắng đoạn dọc công viên Bến Bạch Đằng tạo công viên bờ sông (hạng mục này thuộc phân khu 3 nhưng ảnh hưởng trực tiếp đến phân khu 1).

- Xây dựng đường trên cao Nhiêu Lộc - Thị Nghè.

- Xây dựng cầu Thủ Thiêm 2.

- Tổ chức đường Lê Lợi nối dài và Nguyễn Huệ thành phố thương mại.

- Tổ chức bùng binh chợ Bến Thành thành quảng trường đi bộ.

- Bảo tồn các công trình có giá trị lịch sử.

7.2. Phân khu 2: Những dự án ưu tiên đầu tư xây dựng trong Phân khu 2:

- Cải tạo chỉnh trang đường sá.

- Xây dựng các tuyến UMRT số 2, 3 và 4.

- Xây dựng đường trên cao dọc đường Cách Mạng Tháng 8 và kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè.

- Tăng cường tính chất của đường Lê Duẩn như một trục kết nối mảng xanh từ Thảo Cầm viên Sài Gòn qua Dinh Độc Lập đến Công viên Tao Đàn.

- Bảo tồn các công trình có giá trị lịch sử.

7.3. Phân khu 3:

Phân khu 3 là một dải đất dài hẹp, được chia thành 5 tiểu khu với các chức năng sử dụng đất khác nhau. Do vậy, tùy thuộc điều kiện quy hoạch và điều kiện ngoại vi, tiến trình phát triển sẽ thay đổi theo từng tiểu khu. Các dự án chính có ảnh hưởng tầm khu vực bao gồm những dự án phát triển cơ sở hạ tầng như cầu Thủ Thiêm 1 và 2, cầu đi bộ Thủ Thiêm, tuyến UMRT số 1 và tuyến LRT.

7.4. Phân khu 4: Những dự án ưu tiên đầu tư xây dựng trong Phân khu 4:

- Cải tạo chỉnh trang đường sá.
- Xây dựng các tuyến UMRT số 2, 3 và 4.
- Xây dựng đường trên cao dọc đường Cách Mạng Tháng 8 và kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè.
- Nâng cấp đường Phạm Ngọc Thạch, Võ Văn Tần và Trần Cao Vân thành các hành lang định hướng đi bộ.
- Tổ chức trục cây xanh, bao gồm các tuyến đường Nguyễn Đình Chiểu, Bà Huyện Thanh Quan, Lê Quý Đôn, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Bình Khiêm và Hoàng Sa.
- Bảo tồn các công trình có giá trị lịch sử.

7.5. Phân khu 5: Những dự án ưu tiên đầu tư xây dựng trong Phân khu 5:

- Cải tạo chỉnh trang đường sá.
- Xây dựng các tuyến UMRT số 2, 3A và 4; xây dựng tuyến LRT; xây dựng tuyến BRT (vận tải buýt nhanh).
- Xây dựng cầu Thủ Thiêm 3.
- Nâng cấp đường Phó Đức Chính thành phố định hướng đi bộ.
- Tổ chức đường dạo dọc kênh Bến Nghé.
- Chỉnh trang đất đai ở các khu vực xây dựng dày đặc.

8. Quy hoạch không gian ngầm:

Các không gian ngầm sẽ được phát triển tại các khu vực sau:

- Bên dưới đường Lê Lợi, giữa ga Bến Thành và ga Nhà hát Thành phố (không gian bên trên tuyến UMRT 1) / đường bộ ngầm và trung tâm mua sắm ngầm.
- Bên dưới đường Nguyễn Huệ, giữa ga Nhà hát Thành phố và đường Tôn Đức Thắng làm đường bộ, bãi đậu xe và trung tâm mua sắm.

- Không gian ngầm bên dưới ga Bến Thành làm quảng trường ga và trung tâm mua sắm.

- Không gian bên dưới công viên 23/9 làm đường bộ ngầm, bãi đậu xe, bến xe buýt và trung tâm mua sắm.

- Không gian bên dưới công viên dọc bờ sông Sài Gòn (dọc đường Tôn Đức Thắng) và Công trường Mê Linh làm bãi đậu xe và trung tâm mua sắm.

Ngoài ra còn các dự án đang được xem xét, triển khai như bãi xe ngầm dưới công viên Lê Văn Tám, sân khâu Trống Đông, sân thể thao Hoa Lư...

9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

9.1. Quy hoạch giao thông:

9.1.1. Tuyến UMRT và hệ thống giao thông công cộng, các nút giao thông công cộng bổ sung

- Phân khu 1 có tổng cộng 7 nhà ga UMRT ngầm sẽ được xây dựng, gồm 02 nhà ga của tuyến số 1, 02 nhà ga của tuyến số 2, 02 nhà ga của tuyến số 3A và 01 nhà ga của tuyến số 4. Nhà ga Bến Thành là điểm gặp nhau của các tuyến số 1, 2, 3A và 4.

Tuyến BRT sẽ được bố trí trên đường Hàm Nghi, chạy từ khu bờ Tây sông Sài Gòn thuộc quận 4, nơi không có tuyến UMRT. Như vậy, trước chợ Bến Thành, bên cạnh nhà ga xe buýt hiện hữu, còn có các nhà ga UMRT và BRT, tạo thành một khu vực ga giao thông công cộng quan trọng nhất của Phân khu 1 cũng như của Thành phố Hồ Chí Minh. Cuối cùng, nhà ga xe buýt sẽ được bố trí dưới công viên 23/9 và đường Hàm Nghi theo dự án xây dựng cải tạo công viên này.

Trên đường Tôn Đức Thắng sẽ bố trí tuyến LRT, tạo thành nút giao thông tại điểm giao nhau của tuyến UMRT số 2 và BRT gần sông Sài Gòn.

- Phân khu 2 được có 3 tuyến UMRT, đó là tuyến số 3 đi dưới đường Nguyễn Thị Minh Khai với 3 nhà ga; tuyến số 4 đi từ Hai Bà Trưng lên nhà ga Bến Thành xuyên qua khu quy hoạch; và tuyến số 2 đi dưới đường Cách Mạng Tháng 8 tới nhà ga Bến Thành.

Khi tuyến UMRT 4 cắt ngang đường Nguyễn Thị Minh Khai, cần phải có nhà ga kết nối với ga gần nhất của tuyến 3. Tuyến 4 đi gần Dinh Độc Lập với một ga được bố trí gần nút giao Lê Duẩn sẽ giúp sử dụng thuận tiện hơn.

- Phân khu 3 sẽ có hai nhà ga UMRT được quy hoạch cho tuyến số 1 và số 5. Tuy nhiên, do các tuyến UMRT đã duyệt không phủ kín được toàn bộ Phân khu 3 nên tuyến LRT (vận tải đường sắt hạng nhẹ) và BRT (vận tải buýt nhanh) được đề xuất

cho những nơi mà tuyến UMRT không đi tới. Tuyến LRT được bố trí nối dài thêm tuyến LRT đi từ Công trường Mê Linh sang Khu Tân Cảng và sẽ còn tiếp tục (tuyến LRT được duyệt đi từ Công trường Mê Linh đến quận 6). Tuyến BRT đi từ chợ Bến Thành sang quận 7 qua đường Nguyễn Tất Thành.

Dự kiến Nhà ga UMRT bố trí gần cầu Sài Gòn. Hiện tại, khả năng tiếp cận từ khu CBD tới đường Nguyễn Hữu Cảnh còn hạn chế, nhưng dịch vụ kèm theo của tuyến UMRT sẽ tăng cường khả năng tiếp cận của khu vực trong tương lai.

Đối với Khu công viên bên Bạch Đằng, xét đến yếu tố khu vực này kế cận Phân khu 1, giao thông đường bộ phải được điều chỉnh để thuận tiện hơn, với nhiều không gian tiện nghi cho người dân, trong đó dự kiến sẽ có tuyến LRT.

Ngoài ra, ở Khu Ba Son và Tân Cảng, các nút giao thông (nhà ga) sẽ được bố trí tăng hiệu quả kết nối các tuyến UMRT, LRT và dịch vụ xe buýt thông thường với nhau. Tại giao lộ Hàm Nghi - Tôn Đức Thắng, các nhà trạm LRT và BRT sẽ được bố trí cụ thể sao cho hành khách có thể dễ dàng chuyển tuyến. Nằm trong những hệ thống giao thông bổ sung, hệ thống taxi thủy sẽ được đưa vào. Để phục vụ hệ thống này, các bến taxi thủy sẽ được bố trí ở tất cả khu vực dọc bờ Tây sông Sài Gòn.

- Phân khu 4, sẽ có các tuyến UMRT 2, 3, và 4. Tuyến số 2 và số 3 sẽ lần lượt chạy dưới đường Cách Mạng Tháng Tám và Nguyễn Thị Minh Khai. Tuyến số 4 sẽ đi dưới đường Hai Bà Trưng.

Tuyến UMRT sẽ có ít nhất 5 trạm, bao gồm các trạm của tuyến số 3 được bố trí tại Phân khu 4 và Phân khu 2.

Nhà ga UMRT (Urban Mass Rapid Transit: Vận tải đường sắt nội đô khối lượng lớn) Bến Thành nằm ở phía Bắc của Phân khu 5 tương lai sẽ là một đầu mối giao thông rất lớn tính đến cả nhà ga xe buýt kế bên. Các tuyến UMRT số 2, 3A và 4 từ nhà ga Bến Thành cũng tiếp giáp với khu vực. Ba nhà ga UMRT sẽ được bố trí trong khu vực này.

Tuyến LRT (Light Rail Transit: Vận tải đường sắt hạng nhẹ) sẽ chạy theo đường Bến Chương Dương dọc kênh Bến Nghé về khu vực bến Bạch Đằng của khu bờ Tây sông Sài Gòn.

Ở trục Hàm Nghi, tuyến BRT (Bus Rapid Transit: Vận tải buýt nhanh) sẽ được xây dựng nhằm bao phủ khu vực dọc sông Sài Gòn, đoạn quận 4, nơi không có tuyến UMRT đi qua.

Do các tuyến UMRT số 2, BRT và LRT lần lượt dừng lại tại các nút giao Hàm Nghi và Tôn Đức Thắng, nên sẽ bố trí nút giao thông tại giao lộ này. Với tuyến

UMRT số 4 và LRT chạy qua, giao lộ Nguyễn Thái Học và Bến Chương Dương cũng sẽ trở thành một nút giao thông khác.

9.1.2. Mạng lưới đường lưu thông xe cộ và đi bộ:

Phân khu 1:

Phân khu 1 sẽ được tái bố trí thành một khu vực cho người đi bộ. Với mục đích này, giao thông xuyên khu sẽ được đưa ra khỏi khu vực bằng những biện pháp sau:

- Xây dựng tuyến đường ngầm Tôn Đức Thắng dọc sông Sài Gòn, giao thông xuyên khu sẽ được đưa ra khỏi tuyến này bằng cách sử dụng đường ngầm.

- Chuyển đổi đường Lê Lợi và Nguyễn Huệ thành các phố buôn bán bộ hành (từng bước hạn chế xe hơi và xe gắn máy, cho phép phương tiện công cộng phục vụ giao thông chuyên tiếp và người đi bộ).

- Vòng xoay trước chợ Bến Thành cũng được chuyển đổi thành khu đi bộ (quảng trường đi bộ).

Để có thể chuyển đổi Phân khu 1 thành một khu bộ hành, cần tiến hành các phố đi bộ và định hướng đi bộ như sau:

- Đường Đồng Khởi và một phần đường Huỳnh Thúc Kháng (đoạn giữa Nam Kỳ Khởi Nghĩa và Hàm Nghi) sẽ là phố đi bộ, trong đó chỉ cho phép xe ô tô/xe máy phục vụ các công trình thuộc tuyến ra vào.

- Đường Tôn Đức Thắng, Lê Lợi, Nguyễn Huệ và Huỳnh Thúc Kháng (ngoại trừ phần thuộc phố đi bộ nói trên) sẽ là tuyến định hướng đi bộ, trong đó giảm thiểu phương tiện giao thông xuyên khu và tập trung phát triển không gian đi bộ.

Đường Lê Lợi sẽ được mở rộng sang hướng Đông, phía sau nhà hát thành phố, trên tuyến UMRT 1, để trở thành một trục thương mại. Bằng những biện pháp phát triển và chuyển đổi đã đề cập, trục đi bộ phủ xanh đẹp mắt của Phân khu 1 sẽ được thiết lập cho đường Lê Lợi, đoạn từ khu Ba Son đến quảng trường trước chợ Bến Thành và công viên 23/9.

Phân khu 2:

- Phân khu 2 (Khu Trung tâm Văn hóa - Lịch sử) được hình thành bởi những con đường theo ô bàn cờ. Về mặt cắt dọc, đường Nguyễn Thị Minh Khai, Lê Thánh Tôn và Lý Tự Trọng vốn đã là những trục đường chính. Hai tuyến đường Cách Mạng Tháng 8 và Tôn Đức Thắng, Đinh Tiên Hoàng cũng được mở rộng. Đường Cách Mạng Tháng 8 sẽ là lối ra/ vào tiếp cận nhà ga xe buýt dưới công viên 23/9.

- Hầu hết các tuyến đường nội khu sẽ có đủ vỉa hè cho người đi bộ. Trong số đó,

đường Lê Duẩn từ Thảo Cầm viên Sài Gòn đến Dinh Độc Lập sẽ có chức năng như một trục cây xanh xương sống kết nối khu vực dinh và công viên Tao Đàn. Nhiều không gian đi bộ sẽ được kết nối với đường Lê Duẩn. Đường Đồng Khởi, Phạm Ngọc Thạch được tổ chức thành một trục nhộn nhịp cho các hoạt động kinh doanh và du lịch.

Phân khu 3:

- Tổ chức quảng trường giao thông giáp chân cầu Sài Gòn phía Bắc khu đất kết nối xe bus, LRT, ga metro tuyến số 1 và taxi.

- Hệ thống giao thông đi bộ: kết nối với công viên bờ sông, các không gian mở và công trình công cộng thành một hệ thống liên tục và rộng khắp.

- Đề tổ chức dải công viên cây xanh dọc bờ sông (bao gồm cả phần lòng đường Tôn Đức Thắng hiện hữu), sẽ bố trí như sau: Chuyển đường giao thông cơ giới dọc đường Tôn Đức Thắng xuống tầng ngầm dưới đường Tôn Đức Thắng, dành toàn bộ phần không gian dọc sông làm công viên, nghiên cứu xây dựng các tầng hầm dưới đường Tôn Đức Thắng với chức năng thương mại, bãi đậu xe, đường lưu thông. Phương án cụ thể sẽ được đề xuất khi thực hiện thiết kế đô thị tỷ lệ 1/500.

- Kéo dài tuyến xe điện (LRT) từ quảng trường Mê Linh dọc đường Tôn Đức Thắng chạy dọc bờ sông kết hợp với công viên. cần nghiên cứu, đề xuất phương án nút giao thông khu vực cầu Thủ Thiêm 2 với phương án không có 2 nhánh đường chạy dọc bờ sông Sài Gòn, mà đi thẳng dọc theo trục đường Tôn Đức Thắng.

- Hệ thống giao thông đi bộ: liên tục dọc theo đường Tôn Đức Thắng, kết nối với Thủ Thiêm, có cầu đi bộ kết nối Cột cờ Thủ Ngữ và Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Phân khu 4:

- Tương tự Khu Trung tâm Văn hóa - Lịch sử, Phân khu 4 được hình thành từ các ô phố theo dạng bàn cờ. Trên mặt cắt dọc, những tuyến đường trục chính như Nguyễn Thị Minh Khai, Điện Biên Phủ và Võ Thị Sáu cắt ngang các tuyến đường nhánh như Cách Mạng Tháng Tám, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Pasteur, Hai Bà Trưng, Đinh Tiên Hoàng, v.v..

- Đường Phạm Ngọc Thạch, Võ Văn Tần và Trần Cao Vân tiếp giáp với Trường đại học Quốc gia sẽ được định hướng dành cho người đi bộ do trên cả hai tuyến đường này có nhiều loại hình cửa hiệu, nhà hàng đa dạng.

- Lê đường Nguyễn Đình Chiểu sẽ được bố trí cây xanh tạo sự kết nối mảng xanh với các tuyến đường Bà Huyện Thanh Quan, Lê Quý Đôn, Mạc Đĩnh Chi và Nguyễn Bình Khiêm. Đường Hoàng Sa được bố trí phủ xanh dọc kênh Thị Nghè.

Phân khu 5:

- Phân khu 5 chịu ảnh hưởng lớn của lưu lượng giao thông từ Khu CBD và các khu lân cận từ phía Nam sang phía Tây. Đường Võ Văn Kiệt và đường Nguyễn Thái Học (sẽ được mở rộng) được xếp thành đường cao tốc, các trục đường kết nối được xem là đường trục chính. Đường Calmette/Đoàn Văn Bơ chạy từ công viên 23/9 sang quận 4 sẽ là một tuyến chính tại trung tâm khu vực.

- Đường Phó Đức Chính có Bảo tàng mỹ thuật và nhiều cửa hiệu sẽ được định hướng bố trí thành phố đi bộ. Do khu Lân cận CBD đang thiếu hụt cây xanh và không gian tiện ích, nên sẽ bố trí đường Bến Chương Dương và Bến Vân Đồn thành các trục phủ xanh dọc bờ sông.

9.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt:*** Quy hoạch chiều cao:**

Chọn cao độ khống chế cho toàn khu là $H \geq 2,00\text{m}$ (Hệ VN2000).

Giữ nguyên cao độ hiện hữu đối với những khu vực có cao độ trên cao độ khống chế.

Đối với khu vực hiện hữu cải tạo có cao độ thấp ($< 2,00\text{m}$): khuyến cáo cải tạo cục bộ, hoàn thiện dần nền theo khả năng cho phép của điều kiện hiện trạng để đạt cao độ khống chế quy định.

Đối với khu vực dự kiến xây dựng mới có cao độ thấp ($< 2,00\text{m}$): nâng nền triệt để đến cao độ xây dựng lựa chọn.

*** Quy hoạch thoát nước mặt:**

Sử dụng hệ thống thoát chung nước bẩn và nước mặt. Nước mặt từ giếng tách dòng sẽ được xả ra hệ thống sông rạch của thành phố.

Tổ chức mạng lưới:

Giữ lại các tuyến cống hiện trạng đang phục vụ thoát nước hiệu quả cho khu vực.

Cập nhật các tuyến cống chính có tính hệ thống theo các dự án thoát nước lưu vực kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè và dự án thoát nước Tàu Hũ, Bến Nghé - kênh Đồi, kênh Tẻ.

Cập nhật các tuyến cống chính theo định hướng thoát nước của các đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 3, quận 4.

Bổ sung các tuyến cống mới và thay thế các tuyến cống hiện hữu không còn khả năng thoát nước cho khu vực nhằm giải quyết thoát nước triệt để cho toàn khu.

Hướng thoát: thoát về các sông rạch tự nhiên như kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè, kênh Bến Nghé, sông Sài Gòn.

Công xây mới sử dụng công ngầm, độ dốc công đảm bảo khả năng tự làm sạch $i \geq 1/D$, độ sâu chôn cống tối thiểu $H \geq 0,7m$.

* Lưu ý: Với những tuyến cống chính thuộc dự án thoát nước lưu vực kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè và dự án thoát nước Tàu Hũ, Bến Nghé - kênh Đôi, kênh Tè: đề nghị quản lý xây dựng và đấu nối theo những số liệu cụ thể đã được phê duyệt trong các dự án nêu trên.

9.3. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị:

Chỉ tiêu cấp điện:

Sinh hoạt: 900W/người.

Thương Mại - Văn phòng: 30W/m².

Khách sạn: 3,5KW/phòng.

Văn hóa - Y tế - Giáo dục: 20 - 25W/m².

Nguồn cấp điện giai đoạn đầu cho khu quy hoạch được lấy từ trạm hiện hữu 110/15-22KV Đa Kao, Tao Đàn, Thị Nghè. Giai đoạn sau được bổ sung từ các trạm 110/22KV Tân Cảng, Khánh Hội và công viên 23/9. Tuy nhiên, các vị trí trạm được xây dựng mới thể hiện trên bản vẽ chỉ mang tính định hướng và vị trí cụ thể sẽ được xác định khi đối chiếu phù hợp với các công trình cụ thể trong phạm vi đồ án.

Trạm biến áp phân phối 15-22/0,4KV đặt ngoài trời kém mỹ quan và thiếu an toàn sẽ thay dần bằng trạm phòng, trạm đơn thân (trạm cột), riêng các trạm phòng có công suất nhỏ cần cải tạo và thay máy có công suất lớn.

Xây dựng mới các trạm biến áp phân phối 15-22/0,4KV xây dựng kiểu trạm phòng có công suất đơn vị $\geq 400KVA$.

Phương án quy hoạch lưới phân phối phù hợp:

Mạng trung thế 15KV hiện hữu trên các trục đường chính: đi trên trụ BTLT được thay thế dần bằng cáp ngầm 22KV tiết diện trên các trục chính $S \geq 240mm^2$.

Xây dựng mới các tuyến 22KV xuất phát từ trạm 110/15-22KV dẫn dọc theo các trục đường giao thông chính dùng cáp đồng 3 lõi cách điện XLPE, chôn ngầm.

Mạng hạ thế cấp điện cho các công trình dùng cáp đồng 4 lõi bọc cách điện chôn ngầm, tiết diện phù hợp với các công trình.

Mạng hạ thế hiện hữu đi trên trụ BTLT sử dụng cáp ABC sẽ dần được thay thế bằng cáp ngầm.

Chiếu sáng giao thông sử dụng đèn cao áp Sodium 150W÷250W-220V gắn trên trụ thép mạ kẽm

9.4. Quy hoạch cấp nước:

Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn nước máy thành phố, lấy từ Nhà máy nước sông Sài Gòn giai đoạn 1; Nhà máy nước Thủ Đức; Nhà máy nước BOO Thủ Đức từ các tuyến ống cấp 1: Ø2000 trên đường Nguyễn Hữu Cảnh, Điện Biên Phủ, Ø1500 trên đường Nguyễn Bình Khiêm, Lê Thánh Tôn, Ø1200 trên đường Trần Hưng Đạo, Võ Thị Sáu

Chỉ tiêu cấp nước:

- Sinh hoạt: 180 lít/người/ngày;
- Công cộng - thương mại: 30 lít/người/ngày;
- Khách vắng lai: 30 lít/người/ngày;
- Tưới cây - rửa đường: 15 lít/người/ngày;
- Tổng lượng nước cấp: 85.360 m³/ngày.

Chỉ tiêu cấp nước chữa cháy: 55 lít/s cho 01 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 03 đám cháy.

Mạng lưới cấp nước: Sử dụng mạng lưới cấp nước hiện hữu, bổ sung các tuyến ống cấp nước mới thay thế các tuyến ống cũ và đảm bảo áp lực lưu lượng cấp nước cho dân cư.

9.5. Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn:

9.5.1. Thoát nước thải:

Giải pháp thoát nước thải: Sử dụng hệ thống cống thoát nước chung (nước mưa và tất cả các nước thải bản thoát chung vào một hệ thống cống). Xây dựng giếng tách dòng gần các miệng xả (để tách nước thải bản và một phần nước mưa ra khỏi cống thoát nước chung). Nước thải được tách đưa về tuyến cống bao để thu gom nước thải bản đưa về các nhà máy xử lý nước thải theo từng lưu vực:

- Lưu vực kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè (phía Tây Bắc khu quy hoạch từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Võ Thị Sáu): Toàn bộ nước thải nằm trong lưu vực này theo cống thoát nước chung đi trên các trục đường chính chảy ra kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè. Tại các miệng xả sẽ xây dựng các giếng tách dòng để tách nước thải

ra khỏi cống chung và đưa vào cống bao Ø3000 đi dọc kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè về nhà máy bơm chuyển tiếp tại phường 22, quận Bình Thạnh.

- Lưu vực kênh Tàu Hũ, Bến Nghé - Đồi, Tê: phía Đông Nam khu quy hoạch. Nước thải sẽ được thu gom và xử lý trong giai đoạn 1 của dự án cải thiện môi trường nước thành phố, về các tuyến cống bao, kích thước cống từ D400mm đến D2500mm để thu gom nước thải được tách ra từ giếng tách dòng đặt tại miệng xả của cống chung, đưa về trạm bơm chuyển tiếp tại Đồng Điều, quận 8. Sau đó, cống chuyển tải sẽ đưa nước thải về nhà máy xử lý nước thải đặt tại xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, trong đó:

Tiêu chuẩn thoát nước:

- + Sinh hoạt: 180 lít/người/ngày.;
- + Công cộng - thương mại: 30 lít/người/ngày;
- + Khách vãng lai: 30 lít/người/ngày.
- + Tổng lượng nước thải: 64.196 (m³/ngày).

Mạng lưới thoát nước:

+ Khu vực quận 4: nước thải được tập trung về tuyến cống bao trên đường Tôn Thất Thuyết, Bến Vân Đồn về trạm bơm chuyển tiếp tại Đồng Điều, quận 8.

+ Khu vực nằm giữa đường Trần Hưng Đạo và Võ Văn Kiệt: nước thải được tập trung về tuyến cống bao trên đường Võ Văn Kiệt.

+ Khu vực còn lại: nước thải được tập trung về tuyến cống bao dọc đường Hàm Nghi - Trần Hưng Đạo - Trần Tuấn Khải.

9.5.2. Xử lý rác thải:

Tiêu chuẩn rác thải sinh hoạt: 1,3 (kg/người/ngày).

Tổng lượng rác thải sinh hoạt: 290 (tấn/ngày).

Phương án thu gom và xử lý rác: rác được vận chuyển về các Khu liên hợp xử lý chất thải tập trung của thành phố theo quy hoạch.

9.6. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống:

Việc bố trí, sắp xếp đường dây, đường ống có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật.

10. Các điểm lưu ý khác:

- Việc công bố công khai quy hoạch đô thị và cắm mốc giới theo quy hoạch đô thị cần thực hiện theo Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 và Điều 53, Điều 54 và Điều 57 Luật Quy hoạch đô thị.

- Các khu vực, công trình đã được chấp thuận chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc trong ranh quy hoạch trước khi đồ án này được phê duyệt (khác với chỉ tiêu thể hiện trong đồ án) được sử dụng các chỉ tiêu đã được chấp thuận hoặc theo đồ án. Trường hợp có sự thay đổi lớn (về ranh đất, về quy mô dự án...) thì cần thực hiện theo đồ án quy hoạch này.

- Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu, rà soát để điều chỉnh mặt cắt, lộ giới các tuyến đường, các trường hợp khả thi báo cáo lại Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt điều chỉnh.

- Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu các chính sách nhằm đảm bảo tính khả thi của việc thực hiện quy hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét phê duyệt.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ban Quản lý dự án quy hoạch xây dựng và đơn vị tư vấn thiết kế chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu đánh giá hiện trạng và phải đảm bảo phù hợp quy hợp quy chuẩn quy định của các số liệu trong hồ sơ, bản vẽ trình duyệt đồ án quy hoạch phân khu này.

- Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện theo quy hoạch, Ủy ban nhân dân các quận 1, 3, 4, Bình Thạnh cần lưu ý việc kiểm soát và khống chế quy mô dân số trong phạm vi đồ án, theo đó, các dự án phát triển nhà ở mới cần có giải pháp để ưu tiên bố trí tái định cư tại chỗ.

- Đối với chỉ tiêu đất công trình giáo dục, trong quá trình thực hiện quy hoạch cần đảm bảo tuân thủ theo quy hoạch ngành giáo dục các quận liên quan đã được Ủy ban nhân dân quận phê duyệt;

- Trong quá trình tổ chức triển khai các dự án đầu tư xây dựng tại các khu vực có sông, kênh, rạch trong khu vực quy hoạch; Ủy ban nhân dân các quận 1, 3, 4, Bình Thạnh, Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan cần quản lý chặt chẽ việc tuân thủ về chỉ giới hành lang sông, kênh, rạch đã được quy định tại Quyết định số 150/2004/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang sông, kênh, rạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Việc san lấp kênh, mương, rạch (nếu có) trong khu vực quy hoạch cần có ý kiến thỏa thuận của các cơ quan có thẩm quyền

đã được quy định tại Quyết định số 319/2003/QĐ-UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý việc san lấp và xây dựng công trình trên sông, kênh, rạch, đầm, hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu này, Sở Quy hoạch - Kiến trúc phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận 1, 3, 4, Bình Thạnh tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này theo Luật Quy hoạch đô thị và Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về công bố công khai và cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời tổ chức thực hiện công tác cắm mốc giới ngoài thực địa theo quy định tại Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng để làm cơ sở quản lý xây dựng đô thị, bảo vệ cảnh quan đô thị, chỉnh trang, phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Quyết định này đính kèm thuyết minh tổng hợp và các bản vẽ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) Khu trung tâm hiện hữu thành phố Hồ Chí Minh (930ha) được nêu tại Khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Y tế, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 1, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 3, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 4, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường thuộc phạm vi đồ án quy hoạch và Giám đốc Ban Quản lý dự án quy hoạch xây dựng (thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 01 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đính chính Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân số 31/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 100/2010/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về Công báo;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BTP ngày 30 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 10685/STC-BVG-2 ngày 02 tháng 11 năm 2012 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 4950/STP-VB ngày 10 tháng 12 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay đính chính Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu chi phí cai nghiện ma túy theo Đề án tiếp nhận người cai nghiện ma túy tự nguyện có đóng phí trên địa bàn thành phố, như sau:

Tại phần viện dẫn cơ sở pháp lý ban hành Quyết định đã viết là: “Căn cứ Thông tư liên tịch số 117/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 01 tháng 10 năm 2007 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về trách nhiệm đóng góp và chế độ trợ cấp đối với người nghiện ma túy, người bán dâm”.

Nay sửa lại là: “Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, chế độ đóng góp và miễn, giảm, hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một phần không tách rời của Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố. Các nội dung khác của Quyết định số 24/2012/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2012 giữ nguyên, không thay đổi.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Công an thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Minh Trí

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 295/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Thông tri số 18-TT/TU ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông;

Căn cứ Quyết định số 1856/CD-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 42-KH/ĐU ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Đảng ủy Công an Trung ương về tổ chức phổ biến quán triệt triển khai Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng;

Căn cứ Thông tri số 18-TT/TU ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, giảm tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Ban An toàn giao thông tại Tờ trình số 452/TTr-BATGT ngày 27 tháng 12 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, Kế hoạch triển khai thực hiện Thông tri số 18-TT/TU ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này, xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể, thiết thực để triển khai thực hiện có hiệu quả ở địa bàn, phạm vi phụ trách.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Ban An toàn giao thông thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các Sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Thông tri số 18-TT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Ban Bí thư và Kế hoạch số 42-KH/ĐUCA ngày 01 tháng 11 năm 2012 của Đảng ủy Công an Trung ương tổ chức phổ biến, quán triệt triển khai Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư; Thông tri số 18-TT/TV ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Ban Thường vụ Thành ủy về “tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, giảm tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”; Quyết định số 1586/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân thành phố, nhất là người đứng đầu chính quyền các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông và khắc phục ùn tắc giao thông; thường xuyên thực hiện, toàn diện, đồng bộ các chủ trương, giải pháp nhằm không để xảy ra ùn tắc giao thông trên 30 phút trên địa bàn thành phố; kéo giảm 10% trên cả 3 mặt về số vụ tai nạn giao thông, số người chết và số người bị thương do tai nạn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa so với năm liền kề trước đó theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Thành ủy và Nghị quyết kỳ họp lần thứ 7 Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII.

2. Xây dựng các lực lượng tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong

sạch, vững mạnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, hoạt động được phân công, phân cấp; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (từ ngân sách, xã hội hóa, hợp tác quốc tế...) hỗ trợ công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông theo hướng đẩy mạnh việc hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông công cộng phù hợp với điều kiện phát triển của thành phố, có trình độ tiên tiến, văn minh, không để xảy ra tình trạng công trình chưa đưa vào sử dụng đã lạc hậu.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông và khắc phục ùn tắc giao thông.

Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông và khắc phục ùn tắc giao thông là yêu cầu nhiệm vụ chính trị thường xuyên của các cấp, các ngành; phải phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và sự tham gia tích cực của quần chúng nhân dân. Trên cơ sở đó, các cấp ủy Đảng phải tập trung đẩy mạnh chỉ đạo đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các đơn vị chức năng và thực hiện phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, tổ chức, đoàn thể liên quan.

2. Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông, nâng cao ý thức chấp hành của người tham gia giao thông.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông, nâng cao ý thức chấp hành của người tham gia giao thông phải được thực hiện bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, mang lại hiệu quả cao; phải được thực hiện đến từng công chức, viên chức, công nhân, nhân dân lao động, sinh viên, học sinh; đi sâu vào từng khu dân cư, hộ gia đình; kể cả hình thức huy động xã hội hóa trong tổ chức thực hiện.

Các cơ quan thành viên Ban An toàn giao thông thành phố, các Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện phải chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cùng cấp trong thực hiện; việc chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông được xem là một tiêu chí đánh giá chất lượng của tổ chức cơ sở đảng, cơ quan, đơn vị, đoàn thể, cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và cũng là tiêu chuẩn đánh giá đạo đức cuối năm của học sinh, sinh viên; kịp thời khen thưởng, biểu dương các cá nhân, đơn vị làm tốt, phê bình đối với những đơn vị làm chưa tốt, lên án các hành vi cố ý vi phạm, coi thường kỷ cương, pháp luật trật tự an toàn giao thông.

2.1. Ban Tuyên giáo Thành ủy: với vai trò thành viên Ban An toàn giao thông thành phố phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền các nội dung chỉ đạo của Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư; Thông tri số 18-TT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy gắn với thực hiện Chương trình hành động số 12-CTrHĐ/TU ngày 16 tháng 3 năm 2011 của Thành ủy, Kết luận số 46-KL/TU ngày 22 tháng 02 năm 2012 của Ban Thường vụ Thành ủy về đẩy mạnh thực hiện Chương trình giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2011-2015 và Chương trình số 27-CTrHĐ/TU của Thành ủy ngày 03 tháng 8 năm 2012 thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ trên địa bàn thành phố; tuyên truyền về pháp luật bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Chỉ đạo, định hướng các báo, đài để tiếp tục duy trì, tăng số lượng chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền sinh động và công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên tất cả các loại hình báo chí (báo in, báo hình, báo nói, báo mạng) đúng đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật giao thông, văn hóa giao thông nhằm huy động sự tham gia hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân cách làm hay, thiết thực, cũng như phê phán các biểu hiện thiếu trách nhiệm, cách làm hình thức, kém hiệu quả.

2.2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các đoàn thể: phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy, Ban An toàn giao thông thành phố và các cơ quan thành viên có liên quan thường xuyên triển khai phổ biến, tuyên truyền, sơ, tổng kết công tác trật tự an toàn giao thông, nếp sống văn minh đô thị, ý thức về văn hóa giao thông và trách nhiệm của công dân khi tham gia giao thông.

Trên cơ sở thực hiện các mô hình hay, các hoạt động phong trào thiết thực có sức lan tỏa rộng khắp trong cộng đồng dân cư trong thời gian qua, cần phải được phát huy và thường xuyên tổ chức thực hiện, nhân rộng phong trào “3 không: không lái xe khi đã uống rượu, bia; không chạy xe vào đường cấm, lấn tuyến vượt ẩu; không chạy xe quá tốc độ quy định” và “3 có: có đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy; có bằng lái xe; có ý thức tham gia các hoạt động tự quản về an toàn giao thông”.

Thường xuyên tổ chức các hội thi, hội thảo, tọa đàm, văn nghệ, tiểu phẩm, kịch ngắn, diễn đàn tư vấn, phiên tòa giả định... có liên quan trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, tìm hiểu Luật Giao thông đường bộ, Luật Giao thông đường thủy nội địa; về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong hệ thống chính trị.

Đồng thời, tiếp tục lồng ghép cuộc vận động thực hiện “10 điều quy ước văn

minh đường phố” và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” trong việc thực hiện xây dựng nếp sống văn minh đô thị; đưa nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông vào sinh hoạt định kỳ của từng đoàn thể chính trị - xã hội và trong sinh hoạt tổ dân phố.

2.3. Ban An toàn giao thông thành phố: chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch và chủ trì phối hợp với các Sở, ngành thành viên, cơ quan chức năng liên quan, cơ quan thông tấn, báo, đài triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông, về nếp sống của người dân đô thị, trách nhiệm với cộng đồng, trách nhiệm với xã hội, tập trung xây dựng ý thức chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông và xây dựng ý thức giao tiếp, ứng xử văn minh nơi công cộng...

Coi trọng và đẩy mạnh công tác tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, tăng tần suất tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tổ chức cuộc vận động xây dựng “Nếp văn hóa giao thông” và “Văn minh đô thị”. Bên cạnh đó, tuyên truyền vận động cán bộ, công chức, viên chức, sinh viên, học sinh và nhân dân thành phố hạn chế sử dụng xe gắn máy cá nhân, tích cực hưởng ứng chủ trương của thành phố trong việc đi lại bằng các loại phương tiện giao thông công cộng, xe đạp và đi bộ.

2.4. Sở Giáo dục và Đào tạo: phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục về pháp luật giao thông trong trường học. Tăng cường phối hợp giữa gia đình, nhà trường và các đoàn thể, chính trị - xã hội trong việc giáo dục, nhắc nhở học sinh, sinh viên tự giác chấp hành các quy định về trật tự an toàn giao thông;

Tuyên truyền, phát động các hoạt động, phong trào về giữ gìn trật tự an toàn giao thông, vệ sinh công cộng trước các cổng trường; vận động học sinh, sinh viên đi học bằng xe buýt, xe đạp hoặc đi bộ;

Thường xuyên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về Luật Giao thông đường bộ, nếp sống văn minh đô thị, ý thức vệ sinh công cộng... trong hệ thống nhà trường;

Đề xuất biểu dương các đơn vị thực hiện tốt, kịp thời phê bình và có hình thức xử lý đối với các đơn vị yếu kém; đưa việc chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông thành tiêu chuẩn đánh giá đạo đức của học sinh, sinh viên vào cuối năm học.

2.5. Ủy ban nhân dân các quận - huyện: thường xuyên chỉ đạo Ban An toàn giao thông quận - huyện đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông và văn minh đô thị; giáo dục ý thức trách nhiệm của người dân đối với cộng đồng;

Tổ chức sắp xếp, vận động nhân dân gìn giữ trật tự đường phố, kiên quyết xử lý tình trạng buôn bán lấn chiếm trái phép lòng lề đường; xây dựng mạng lưới đội ngũ tuyên truyền viên về an toàn giao thông ở cấp cơ sở nhằm đẩy mạnh tuyên truyền kết hợp triển khai các buổi ra quân theo các chủ đề cụ thể như: “Ngày chủ nhật xanh”, “Ngày đường phố không rác”... để hưởng ứng “Năm An toàn giao thông”, “Tháng An toàn giao thông” và “Tuần An toàn giao thông” được tổ chức hàng năm theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về định hướng Chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Tổ chức phát động trong đoàn viên, hội viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, nhất là đối với tổ chức Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức sinh hoạt, xây dựng và hướng dẫn thanh niên ý thức trách nhiệm công dân, thực hiện nếp sống văn minh đô thị, ý thức cư xử đúng mực khi tham gia giao thông; phát huy vai trò nòng cốt của đoàn viên, hội viên trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành pháp luật giao thông, thực hiện nếp sống văn minh đô thị, ứng xử nơi công cộng.

2.6. Sở Giao thông vận tải: tiếp tục phối hợp các đơn vị chức năng triển khai tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về Luật Giao thông đường bộ; Hội thi lái xe an toàn. Tăng cường chất lượng đào tạo, sát hạch cấp phép lái xe trên địa bàn thành phố, áp dụng nhiều hình thức tuyên truyền bằng hình ảnh, xử lý tình huống trên đường, thể hiện ý thức và hành vi tốt khi tham gia giao thông,...

Đẩy mạnh tuyên truyền và phát huy vai trò trách nhiệm của người đứng đầu trong các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông; tập huấn kiến thức pháp luật giao thông, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp cho lái phụ xe và nhân viên phục vụ trên xe.

Phối hợp với Ban Quản lý các Khu Chế xuất, và Công nghiệp thành phố vận động công nhân tích cực hưởng ứng đi làm bằng phương tiện xe buýt, không điều khiển lưu thông ngược chiều, không mua bán lấn chiếm lòng đường, lề đường trước cổng doanh nghiệp, nhà máy.

2.7. Công an thành phố: đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục trong toàn lực lượng để mỗi cán bộ, chiến sĩ luôn thể hiện quyết tâm chính trị cao nâng cao năng lực, hiệu quả và trách nhiệm khi thi hành công vụ. Mỗi cán bộ chiến sĩ không ngừng rèn luyện đạo đức cách mạng với tinh thần vì nước quên thân - vì dân phục vụ, luôn chủ động nâng cao tinh thần chiến đấu, gương mẫu chấp hành pháp luật, tích cực hưởng ứng công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông năm 2013 với

chủ đề “Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người thực thi công vụ và ý thức tự giác của người tham gia giao thông”.

Mặt khác, mỗi cán bộ, chiến sĩ, công an nhân dân cần xác định trách nhiệm của người đại diện pháp luật trong kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về an toàn giao thông, vừa là chiến sĩ trên mặt trận tuyên truyền, giúp người dân xây dựng ý thức tự giác chấp hành pháp luật khi tham gia giao thông.

2.8. Thành Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: với vai trò tiên phong cần chủ động đi đầu trong tất cả các chương trình hành động, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan để đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, xây dựng ý thức “Văn hóa giao thông” và nếp sống văn minh đô thị trong thanh niên. Phát huy và khơi dậy tinh thần “Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên”, thường xuyên xây dựng các mô hình sinh hoạt sinh động, đổi mới các hoạt động phong trào tạo sân chơi lành mạnh để thu hút đông đảo thanh niên tham gia; thông qua đó tổ chức, định hướng cho thanh niên lối sống có lý tưởng, tuân thủ pháp luật nhà nước về trật tự an toàn giao thông.

3. Tập trung các nguồn lực xây dựng và phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông, nâng cao năng lực vận tải, bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn

Sở Giao thông vận tải chủ động tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 27-CTrHĐ/TU của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/T.U của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đã được ban hành kèm theo Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2012.

Tập trung các nhiệm vụ sau đây:

- Phát triển hạ tầng giao thông hoàn chỉnh, từng bước hiện đại; hình thành mạng lưới giao thông đồng bộ kết nối Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, đồng bằng sông Cửu Long, Nam Tây Nguyên.

- Giải quyết cơ bản tình trạng ùn tắc giao thông, phấn đấu kéo giảm tai nạn giao thông vượt chỉ tiêu theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Thành ủy và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố (giảm 10% so với năm liền kề)

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý và thực hiện theo quy hoạch giao thông phù hợp và đảm bảo với phát triển đô thị theo hướng bền vững, hiện đại.

Nâng cao hiệu quả việc sử dụng các nguồn vốn huy động để đầu tư phát triển hạ tầng và thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong việc đầu tư khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng...

4. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý Nhà nước về trật tự an toàn giao thông

4.1. Tiến hành rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện hệ thống pháp luật về trật tự an toàn giao thông phù hợp với thực tiễn.

- Phối hợp với Bộ Xây dựng hoàn chỉnh dự thảo Luật Đô thị; trước mắt điều chỉnh, bổ sung Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục bổ sung hoàn chỉnh Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2011 - 2015 của các đơn vị, thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Quyết định số 25/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố. Hàng tháng, các Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân thành phố đồng gửi Ban An toàn giao thông thành phố và Sở Giao thông vận tải để theo dõi, tổng hợp; Định kỳ 06 tháng và hàng năm Ban An toàn giao thông thành phố phối hợp với Sở Giao thông vận tải tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố tổng kết công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông gắn với thực hiện Chương trình giảm ùn tắc giao thông.

- Thường xuyên chỉ đạo công tác rà soát và đề xuất với Trung ương kịp thời sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện hệ thống pháp luật về trật tự an toàn giao thông cho phù hợp với đặc thù và thực tiễn của địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo đảm trật tự an toàn giao thông; quy định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp chính quyền và cá nhân về bảo đảm trật tự an toàn giao thông, khắc phục ùn tắc giao thông.

- Tiếp tục phối hợp với các Bộ - ngành Trung ương chuẩn bị đề án về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước bảo đảm nguyên tắc chung, phù hợp với nhiệm vụ quản lý, với điều kiện đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị có quy mô dân số trên 10 triệu dân, để nhằm tạo điều kiện cho thành phố hoàn thành nhiệm vụ chính trị và kinh tế - xã hội được giao.

- Nghiên cứu thành lập các cơ quan quản lý hành chính và sự nghiệp trong lĩnh vực giao thông vận tải như: Hội đồng phát triển hạ tầng kỹ thuật thành phố; Hội đồng tư vấn giảm ùn tắc giao thông đô thị; Cơ quan Quản lý nhà nước về vận tải công cộng

(PTA); Trung tâm Điều hành giao thông đô thị; Viện Nghiên cứu giao thông vận tải đô thị; Ban Quản lý giao thông đô thị; Ban chuẩn bị đầu tư các dự án giao thông đô thị trọng điểm.

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ, đơn vị quản lý và chủ đầu tư (hoặc đại diện chủ đầu tư) trong lĩnh vực giao thông vận tải; nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cán bộ, chiến sỹ tuần tra xử lý trên địa bàn thành phố. Nghiêm cấm cán bộ, công chức can thiệp vào việc xử phạt; kiên quyết sắp xếp, không sử dụng đối với các cán bộ không có năng lực, thiếu tinh thần trách nhiệm; xử lý nghiêm đối với cán bộ, nhân viên thường xuyên vi phạm trật tự an toàn giao thông.

4.3. Xây dựng Chiến lược phát triển phương tiện giao thông phù hợp với phát triển kết cấu hạ tầng giao thông của Thành phố Hồ Chí Minh - đô thị lớn có đầu mối giao thông quan trọng của cả nước.

- Nâng cao chất lượng đăng ký, đăng kiểm phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, bảo đảm phương tiện tham gia giao thông phải đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật, cụ thể: Tổ chức luân chuyên đội ngũ đăng kiểm viên để xây dựng nội bộ vững mạnh, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động đăng kiểm; Thường xuyên tổ chức kiểm tra đột xuất và định kỳ các trung tâm đăng kiểm thực hiện đúng quy trình, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm và có biện pháp cảnh cáo hoặc đình chỉ hoạt động nếu đơn vị có nhiều sai phạm; Ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý phương tiện giao thông thống nhất từ khâu nhập khẩu, sản xuất trong nước, đăng ký, đăng kiểm đến quá trình hoạt động của phương tiện; Thường xuyên rà soát tổng số các xe ô tô, phương tiện thủy đã hết niên hạn sử dụng, để công bố hàng tháng trên website của Sở Giao thông vận tải, kể cả các đơn vị (nếu có) và thông báo đến chủ phương tiện.

- Triển khai một số giải pháp để hạn chế lưu thông đối với phương tiện giao thông cá nhân như: nghiên cứu Đề tài quản lý các phương tiện đăng ký mới thông qua Giấy chứng nhận quyền mua xe (COE) để đề xuất Chính phủ cho thực hiện thí điểm ở Thành phố Hồ Chí Minh; phối hợp với Bộ Giao thông vận tải triển khai thực hiện một số giải pháp hạn chế phương tiện giao thông cá nhân khác.

- Nghiên cứu các đề án, có kế hoạch đầu tư xây dựng phát triển vận tải công cộng khối lượng lớn như đường sắt trên cao, tàu điện ngầm, xe buýt nhanh, phát triển hệ thống giao thông công cộng tiếp cận cho người khuyết tật, người cao tuổi và trẻ em đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Trước mắt, tăng cường quản lý hoạt động vận tải, đảm bảo hợp lý, khoa học và phù hợp với tình hình giao thông thực tế,

chú trọng hoạt động vận tải hành khách, vận tải hành khách công cộng, vận tải hàng hóa bằng xe ô tô và phương tiện thủy.

4.4. Đổi mới tổ chức giao thông đường bộ bảo đảm hợp lý, phù hợp với điều kiện kết cấu hạ tầng giao thông và an toàn thuận lợi cho hoạt động giao thông vận tải. Thường xuyên rà soát, phát hiện xử lý các bất hợp lý trong tổ chức giao thông và kịp thời khắc phục các “điểm đen” trên các tuyến giao thông đường bộ.

- Tổ chức lại giao thông tại các vị trí có nguy cơ xảy ra ùn tắc giao thông cao theo hướng tăng cường phân luồng giao thông một chiều, tách làn xe ô tô với mô tô, xe máy; sắp xếp, phân bố lại các làn xe trên một số tuyến đường đủ rộng để tăng năng lực thông xe; xây dựng bổ sung các cầu vượt, hầm chui tại các nút giao thông trọng điểm.

- Cải tạo kích thước hình học, mở rộng lòng đường, các nút thắt cổ chai; lắp đặt bổ sung các loại biển báo có cần vươn, dải phân cách, đèn tín hiệu giao thông, đèn đếm lùi; mở rộng các đường hẻm nối thông các đường chính để giảm áp lực giao thông tại các khu vực thường xuyên xảy ra ùn tắc giao thông; đồng thời, xử lý dứt điểm, không để phát sinh các điểm ãu nối trái phép vào đường bộ đang khai thác.

- Triển khai áp dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác quản lý và bảo trì hệ thống hạ tầng giao thông đô thị như sử dụng công nghệ tái sinh nguội mặt đường, trang bị phần mềm mô phỏng giao thông; mua sắm thiết bị dò tìm công trình ngầm...

- Quy định thời gian, lộ trình lưu thông cụ thể đối với các loại xe chuyên dùng, hạn chế lưu thông vào các giờ cao điểm, các đoạn đường, nút giao có nguy cơ ùn tắc giao thông cao.

- Hoàn thành việc thống kê, phân tích và lưu trữ toàn bộ vị trí các “điểm đen” về an toàn giao thông của các năm qua; khắc phục, tiến tới xóa bỏ, cũng như tích cực đề ra các giải pháp hữu hiệu nhất để kiểm chế phát sinh “điểm đen” mới.

4.5. Nâng cao trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các Sở - ban - ngành chức năng về quản lý hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa; quản lý vỉa hè, đường phố và an toàn giao thông cầu, đường, hầm. Thực hiện nghiêm túc các quy định về hành lang an toàn giao thông; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, nhất là các hành vi xâm hại công trình giao thông, cản trở giao thông, thiếu tinh thần trách nhiệm trong việc khắc phục các nguyên nhân trực tiếp dẫn đến các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng. Tăng cường kiểm tra thi công các công trình trên đường bộ đang khai thác nhằm đảm bảo an toàn giao thông, mỹ quan đô thị.

4.6. Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát các cơ sở đào tạo, các trung tâm sát hạch và lực lượng cán bộ - công chức - viên chức có chức trách, thẩm quyền trong tổ chức giảng dạy, kiểm tra và cấp giấy phép lái xe; Khắc phục những hạn chế, yếu kém và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, sách nhiễu trong đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe và các cơ sở y tế trong việc khám sức khỏe cho người đăng ký sát hạch cấp giấy phép lái xe.

- Thực hiện lắp đặt công khai camera giám sát phòng thi lý thuyết; lưu trữ thông tin tại một số khu vực nhạy cảm trên sân sát hạch để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra.

- Tổ chức hậu kiểm về chất lượng đào tạo, cấp phép lái xe; cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người điều khiển phương tiện thủy. Xử lý nghiêm các cơ sở đào tạo, hội đồng sát hạch nếu để xảy ra trường hợp có nhiều lái xe gây tai nạn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức nối mạng giữa các cơ quan chức năng trong việc quản lý giấy phép lái xe đối với các đối tượng đã vi phạm pháp luật giao thông đường bộ; quản lý phương tiện.

4.7. Hiện đại hóa công tác giám sát, phát hiện và xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ; tập trung xây dựng hệ thống giám sát (camera, thiết bị đếm xe tự động) trên các tuyến quốc lộ trọng điểm, trong nội đô thành phố, các vị trí điểm đen về tai nạn giao thông, điểm ùn tắc giao thông. Thực hiện quy chế phối hợp cung cấp thông tin quản lý giữa các Sở, ban, ngành chức năng và xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố.

4.8. Kiểm tra xử lý vi phạm trong vận tải:

- Tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm của người điều khiển phương tiện giao thông ngay tại bến xe, bến tàu. Kiên quyết đình chỉ hoạt động kinh doanh vận tải đối với tổ chức, cá nhân vi phạm nghiêm trọng và vi phạm thường xuyên các quy định về điều kiện kinh doanh vận tải và bảo đảm an toàn giao thông.

- Tổ chức lực lượng thường xuyên kiểm tra và xử lý kiên quyết tình trạng xe chở hàng vượt quá tải trọng cho phép của xe, xe container không khóa chốt, lái xe điều khiển đầu kéo sơ-mi rơ-moóc không có Giấy phép lái xe hạng FC; việc chấp hành ưu tiên lưu thông vào đường cấm, giờ cấm; phương tiện thủy chở quá tải, không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng an toàn kỹ thuật, không đăng ký, đăng kiểm, không trang bị hoặc thiếu dụng cụ cứu hộ, cứu sinh theo quy định; thuyền viên và người lái không có bằng lái hoặc chứng chỉ chuyên môn, vi phạm quy tắc giao thông; phối hợp với các đơn vị quản lý cảng để tổ chức kiểm tra tải trọng xe tại các cổng cảng và bên

trong cảng. Xử phạt nghiêm đối với các trường hợp vi phạm, xem xét lập hồ sơ truy tố trước pháp luật đối với các vi phạm gây ra hậu quả nghiêm trọng.

4.9. Xây dựng các phương án với quyết tâm kiềm chế được tình trạng đua xe trái phép, phóng nhanh vượt ẩu, rải đinh, vật nhọn trên đường gây nguy hiểm cho người tham gia giao thông. Đồng thời, đưa các giải pháp xử lý hiện trường xảy ra tai nạn giao thông hoặc có vi phạm theo hướng giải phóng nhanh nhất, kịp thời trả lại mặt đường cho giao thông.

4.10. Xây dựng Chiến lược phát triển, đào tạo đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đối với lực lượng Cảnh sát giao thông, Thanh tra giao thông có đủ năng lực, phẩm chất, nắm vững pháp luật, có trình độ nghiệp vụ, khoa học kỹ thuật, ngoại ngữ, có tinh thần trách nhiệm, trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

4.11. Đẩy mạnh các hoạt động phong trào chống tiêu cực trong thi hành công vụ đối với lĩnh vực bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

- Tổ chức các đoàn kiểm tra việc chấp hành quy trình, quy chế, điều lệnh đối với Cán bộ - Chiến sĩ lực lượng vũ trang, công chức, nhất là lực lượng trực tiếp tiếp xúc với nhân dân, với người tham gia giao thông; kiên quyết xử lý kỷ luật những cán bộ, chiến sĩ có hành vi tiêu cực, không hoàn thành nhiệm vụ hoặc xử lý vi phạm không đúng quy định.

- Tăng cường giáo dục, quán triệt cho cán bộ, công chức, chiến sĩ và lực lượng thanh tra chuyên ngành nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chuyên nghiệp trong thực thi nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông; có chính sách khuyến khích, khen thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích kể cả phê bình và xử lý nghiêm các cá nhân, đơn vị chưa hoàn thành nhiệm vụ. Đồng thời, thường xuyên luân chuyển, thay đổi địa bàn quản lý của lực lượng thanh tra viên giao thông vận tải, lực lượng cảnh sát giao thông đảm bảo theo quy định để nhằm ngăn ngừa các tiêu cực.

4.12. Thường xuyên rà soát, kịp thời kiện toàn bổ sung đủ thành phần và nâng cao ý thức trách nhiệm và hiệu quả công tác của các thành viên đối với các hoạt động của Ban An toàn giao thông thành phố theo Quyết định số 57/2011/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

4.13. Tổ chức sắp xếp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phương tiện, công cụ hỗ trợ cho ngành giao thông vận tải:

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch giai đoạn 2013 - 2015 theo hướng đầu tư tương xứng cho nguồn nhân lực, trang thiết bị, khí tài cho lực lượng Cảnh sát giao thông,

Thanh tra giao thông phục vụ có hiệu quả công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý xử phạt và điều hòa trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố.

- Nghiên cứu đề xuất các Bộ - ngành Trung ương cho tiến hành thí điểm thực hiện trên địa bàn thành phố để nhằm có chính sách thu hút nguồn nhân lực trình độ cao phục vụ các chương trình nâng cao năng lực quản lý ngành giao thông vận tải.

Trước mắt, giao Sở Nội vụ tham mưu trong việc ưu tiên bố trí, bổ nhiệm các cán bộ có năng lực đảm nhận các vị trí công tác có liên quan đến quá trình triển khai thực hiện các dự án đã phê duyệt và đang triển khai; đồng thời đẩy mạnh công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực, ngành giao thông vận tải cho các đơn vị có chức năng.

5. Triển khai toàn diện, đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, khắc phục ùn tắc giao thông trên địa bàn thành phố.

5.1. Tập trung chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thông tri số 18-TT/TU ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiếp tục tổ chức thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp trọng tâm nhằm đảm bảo thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 12-CTrHD/TU ngày 16 tháng 3 năm 2011 của Thành ủy thành phố thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2011-2015 và Quyết định số 25/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Chương trình Giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2011 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020; Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2009 về “Kế hoạch của Thành phố Hồ Chí Minh triển khai Nghị quyết số 16/2008/NQ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về từng bước khắc phục ùn tắc giao thông tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh”.

5.2. Thực hiện nghiêm các đồ án quy hoạch đô thị và quy hoạch giao thông thành phố, xây dựng di dời các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, bệnh viện lớn, các cơ sở đăng ký, đăng kiểm xe cơ giới, các nhà máy... ra bên ngoài khu vực nội đô, điều chỉnh bố trí tập trung các trụ sở cơ quan hành chính nhà nước thành phố; tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng di dời các cảng trên sông Sài Gòn, Nhà máy đóng tàu Ba Son theo quy hoạch được duyệt (kể cả quy hoạch chi tiết, chuyển đổi công năng sử dụng đất tại các địa điểm cảng cũ đã di dời).

5.3. Hoàn thiện Quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 kết nối với Đề án phát triển vận tải hành khách bằng đường sắt trên cao, tàu điện ngầm, xe buýt nhanh. Triển khai thực hiện Đề án phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt các giai đoạn 2013 - 2015 và đến năm 2020.

5.4. Tiếp tục phát triển mạnh loại hình xe buýt đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân phù hợp với từng lộ trình hoạt động, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng; phát động phong trào vận động cán bộ, công chức, viên chức thành phố tham gia đi xe buýt và lồng ghép tiêu chí về việc tham gia đi xe buýt khi xây dựng tiêu chí thi đua - khen thưởng hàng năm của từng đơn vị.

5.5. Tập trung kiểm tra, thu hồi giấy phép sử dụng lòng đường, vỉa hè để kinh doanh buôn bán, đậu xe 2 bánh, xe ô tô không còn phù hợp, trả lại vỉa hè thông thoáng cho người đi bộ, xử phạt nghiêm các trường hợp đậu xe dưới lòng đường, vỉa hè không đúng quy định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố nếu để tình hình trật tự lòng đường, vỉa hè trên địa bàn mình quản lý thường xuyên bị lấn chiếm.

5.6. Rà soát quỹ đất công của thành phố, kể cả xã hội hóa để ưu tiên đầu tư xây dựng bãi đậu xe nhiều tầng có kết hợp với các bãi đậu xe buýt hiện hữu.

5.7. Thành phố tiếp tục thực hiện việc bố trí lịch giờ làm việc, học tập tại một số địa bàn khu chế xuất, khu công nghiệp, trường học và hàng năm thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm để kịp thời đề ra các giải pháp để nhằm nâng cao hiệu quả, không để xảy ra ùn tắc giao thông trong các năm tiếp theo với tiêu chí không gây xáo trộn, ảnh hưởng lớn đến sản xuất, công tác, học tập, sinh hoạt, đi lại của người dân.

5.8. Xây dựng và triển khai các tiêu chí, giải pháp nhằm nâng cao văn hóa giao thông cho người tham gia giao thông để giảm ùn tắc giao thông; đồng thời, huy động các lực lượng cán bộ, chiến sĩ, đoàn viên, hội viên tại chỗ của các phường - xã - thị trấn như công an, dân phòng, bảo vệ dân phố, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh cùng với lực lượng Cảnh sát giao thông, trật tự viên Thanh niên xung phong tham gia hướng dẫn điều tiết giao thông vào giờ cao điểm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Thủ trưởng các Sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị chức năng liên quan căn cứ kế hoạch này, có trách nhiệm triển khai, khẩn trương xây dựng các đề án, kế hoạch, chương trình, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể để đạt hiệu quả cao nhất. Định kỳ trước ngày 15

tháng 12 báo cáo kết quả thực hiện hàng năm; gửi báo cáo sơ tổng kết 05 năm, 10 năm về Ban An toàn giao thông thành phố tổng hợp báo cáo, đề xuất tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

2. Giao Ban An toàn giao thông thành phố phối hợp với Sở Giao thông vận tải theo dõi, hướng dẫn đôn đốc việc thực hiện của các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành viên Ban, các cơ quan chức năng, các quận - huyện tổ chức thực hiện sơ kết rút kinh nghiệm, kịp thời biểu dương gương người tốt việc tốt, khen thưởng động viên các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc và phê phán, lên án các hành vi cố ý vi phạm, coi thường kỷ cương pháp luật về trật tự an toàn giao thông để kịp thời tổng hợp báo cáo định kỳ hàng năm về kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc cần giải quyết và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung những nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể cho phù hợp với kế hoạch thực hiện của từng năm.

3. Các Sở - ban - ngành, đoàn thể thành viên Ban, các cơ quan chức năng, các quận - huyện trong quá trình thực hiện kế hoạch này cần gắn với việc đánh giá, kiểm điểm vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả thực hiện Chỉ thị số 22-CT/TW ngày 24 tháng 02 năm 2003 của Ban Bí thư Trung ương; rà soát điều chỉnh bổ sung chương trình, kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 12/CtrHĐ của Thành ủy, Kết luận số 46/KL/TU của Ban Thường vụ Thành ủy cho phù hợp với từng giai đoạn, từng năm theo yêu cầu chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương tại Chỉ thị số 18-CT/TW.

4. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Sở Tài chính căn cứ kết quả thực hiện các nhiệm vụ và hoạt động phong trào được giao, những công việc liên quan của Kế hoạch này để hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan lập dự toán kinh phí hàng năm trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu có gì khó khăn và vướng mắc thì các Sở - ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện chủ động phối hợp với Thường trực Ban An toàn giao thông thành phố và Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

PHỤ LỤC TỔ CHỨC, PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

(Kèm theo Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1.	Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông và khắc phục ùn tắc giao thông					
	Tăng cường sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông để nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước của các đơn vị	- Các cấp ủy Đảng của các sở, ban, ngành và UBND các cấp	- Mặt trận TQ Việt Nam TP; - Các tổ chức chính trị - xã hội	Nghị quyết và kế hoạch hành động.	Tháng 01 năm 2013	Thường xuyên, liên tục, mạnh mẽ.
2.	Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông, nâng cao ý thức chấp hành của người tham gia giao thông					
2.1.	a) Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự an toàn giao thông phải được thực hiện đến từng công chức, viên chức, công nhân, nhân dân lao động, sinh viên, học sinh; đi sâu vào từng khu dân cư, hộ gia đình. Xác định rõ việc chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông là một tiêu chí đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở Đảng, cơ quan, đơn vị, đoàn thể, cán bộ, công chức, viên chức, hội viên, là một tiêu chuẩn đánh giá đạo đức cuối năm của học sinh, sinh viên.	- Ban Tuyên giáo Thành ủy; - Ban An toàn giao thông TP.	- Ủy ban nhân dân các quận, huyện; - Các sở, ban, ngành thành phố	Kế hoạch triển khai chi tiết.	Thường xuyên, liên tục	
	b) Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, nghiên cứu sử dụng thí điểm các hình thức tuyên truyền mới. Nội dung tuyên truyền cần ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ để mang lại hiệu quả cao.	- Ban An toàn giao thông TP; - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;	- Ủy ban nhân dân các quận, huyện; - Các sở, ban, ngành.	Kế hoạch cụ thể	Thường xuyên, liên tục	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	c) Khen thưởng và biểu dương kịp thời các cá nhân, đơn vị làm tốt và phê bình đối với những đơn vị làm chưa tốt, lên án các hành vi cố ý vi phạm, coi thường kỷ cương, pháp luật trật tự an toàn giao thông.	Ban An toàn giao thông TP.	- Sở Nội vụ - - Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố.		Thường xuyên	
	d) Nghiên cứu và triển khai thực hiện việc xã hội hóa trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông bằng nhiều hình thức cho mọi đối tượng	Ban An toàn giao thông TP.	UBND các quận - huyện	Kế hoạch cụ thể	Thường xuyên, liên tục.	
2.2.	Tham mưu cho Thành ủy chỉ đạo cấp ủy Đảng các cấp thường xuyên lãnh đạo công tác tuyên truyền về pháp luật bảo đảm trật tự an toàn giao thông; thường xuyên tăng cường tuyên truyền về an toàn giao thông; định hướng, hỗ trợ và chỉ đạo các báo, đài để tiếp tục duy trì, tăng số lượng chuyên trang, chuyên mục về trật tự an toàn giao thông trên tất cả các loại hình báo chí; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật giao thông, văn hóa giao thông	Ban Tuyên giáo thành ủy;	- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP; - Ban An toàn giao thông; - UBND các quận - huyện; - Sở Thông tin và Truyền thông; - Các tổ chức chính trị - xã hội.		Thường xuyên, liên tục.	Tăng số lượng chuyên trang, chuyên mục về trật tự an toàn giao thông trên tất cả các loại hình báo chí; đa dạng hóa hình thức tuyên truyền để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật giao thông, văn hóa giao thông
2.3.	Tuyên truyền an toàn giao thông, nếp sống văn minh đô thị, ý thức và trách nhiệm của công dân khi tham gia giao thông,... Tiếp tục lồng ghép cuộc vận động thực hiện “10 điều quy ước văn minh đường phố” và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, phong trào “3 không, 3 có”, trong việc thực hiện xây dựng nếp sống văn minh đô thị; đưa nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông vào sinh hoạt định kỳ của từng chi bộ Đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP.	- Ban Tuyên giáo Thành ủy; - Ban An toàn giao thông. - Ủy ban nhân dân các quận - huyện. - Các tổ chức chính trị xã hội.		Thường xuyên liên tục	Đưa vào tiêu chí đánh giá thi đua khen thưởng cuối năm.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
2.4.	a) Triển khai tốt và có hiệu quả các nội dung công việc như xây dựng các chương trình tuyên truyền, phổ biến về nếp sống của người dân đô thị, trách nhiệm với cộng đồng, trách nhiệm với xã hội, tập trung vào các mục tiêu chính: xây dựng ý thức chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông; xây dựng ý thức giao tiếp, ứng xử văn minh nơi công cộng...	Ban An toàn giao thông TP.	- Ủy ban nhân dân các quận - huyện; - Các Sở, ngành; - Các tổ chức chính trị - xã hội.		Thường xuyên, liên tục	
	b) Xây dựng kế hoạch tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, tăng tần suất tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tổ chức cuộc vận động xây dựng “nếp văn hóa giao thông” và “văn minh đô thị”. Bên cạnh đó, tuyên truyền vận động cán bộ công chức, viên chức, học sinh và nhân dân thành phố hạn chế sử dụng xe gắn máy cá nhân, chuyển đổi phương thức đi lại bằng các loại phương tiện vận tải hành khách công cộng, xe đạp và đi bộ	- Sở Thông tin và truyền thông; - Ủy ban nhân dân các quận - huyện.	- Sở Giáo dục và Đào tạo; - Thành đoàn thành phố; - Các tổ chức chính trị - xã hội.	Kế hoạch cụ thể	Thường xuyên, liên tục	
2.5.	a) Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giảng dạy pháp luật về giao thông trong trường học. Tăng cường sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và các đoàn thể, chính trị - xã hội trong việc giáo dục, nhắc nhở học sinh, sinh viên tự giác chấp hành các quy định về trật tự an toàn giao thông	Sở Giáo dục và Đào tạo.	- UBND các quận - huyện; - Ban An toàn giao thông TP; - Các tổ chức chính trị - xã hội.		Thường xuyên, liên tục	Đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp giảng dạy pháp luật về giao thông trong trường học
	b) Tuyên truyền và phát động phong trào về giữ gìn trật tự an toàn giao thông, vệ sinh công cộng trước các cổng trường. Thường xuyên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về Luật Giao thông đường bộ, nếp sống văn minh đô thị, ý thức vệ	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Ban An toàn giao thông.		Thường xuyên, liên tục	Có tiêu chí cụ thể đánh giá đạo đức học sinh, sinh viên cuối năm.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	sinh công cộng... giữa các trường với nhau. Phát hiện và đề xuất biểu dương kịp thời các đơn vị thực hiện tốt chương trình và có hình thức xử phạt đối với các đơn vị yếu kém. Tuyên truyền vận động học sinh, sinh viên đi học bằng xe buýt, xe đạp hoặc đi bộ. Xác định rõ việc chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông là một tiêu chuẩn đánh giá đạo đức cuối năm của học sinh, sinh viên					
2.6.	a) Tổ chức đẩy mạnh việc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông và văn minh đô thị; ý thức và trách nhiệm của người dân đối với cộng đồng.	Ủy ban nhân dân các quận - huyện.	- Ban An toàn giao thông thành phố; - MTTQVNTP và các đoàn thể chính trị	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền cụ thể.	Thường xuyên, liên tục	
	b) Vận động nhân dân không buôn bán lấn chiếm lòng lề đường, triển khai các buổi ra quân với nhiều chủ đề “ngày chủ nhật xanh”, “ngày đường phố không rác”, tổ chức sinh hoạt và hướng dẫn thanh niên ý thức trách nhiệm công dân về nếp sống văn minh đô thị, ý thức khi tham gia giao thông; phát huy vai trò nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành pháp luật giao thông, văn minh đô thị, ứng xử nơi công cộng.	Ủy ban nhân dân các quận - huyện.	- Ban An toàn giao thông thành phố; - MTTQVNTP và các đoàn thể chính trị.	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền cụ thể.	Thường xuyên, liên tục	
2.7.	a) Tiếp tục tổ chức nhiều chương trình thi tìm hiểu về Luật Giao thông đường bộ; hội thi lái xe an toàn. Tăng cường chất lượng đào tạo tại các trung tâm đào tạo và dạy lái xe trên địa bàn thành phố, xây dựng nhiều hình thức tuyên truyền bằng hình ảnh, xử lý tình huống trên đường, ý thức và hành vi khi tham gia giao thông.	- Sở Giao thông vận tải; - Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp.	- Các trung tâm sát hạch; - Ban An toàn giao thông TP;		Thường xuyên, liên tục	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	b) Vận động công nhân tại các khu chế xuất, khu công nghiệp hưởng ứng tích cực sử dụng xe buýt để đi làm, không lưu thông ngược chiều, không mua bán lấn chiếm lòng đường trước cổng các khu chế xuất, khu công nghiệp		- Liên đoàn Lao động thành phố; - Thành đoàn.			
2.8.	Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan để tham gia vận động tuyên truyền, xây dựng ý thức nếp “văn hóa giao thông” và nếp sống văn minh đô thị trong lực lượng thanh niên, phát huy tinh thần “đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên”, thường xuyên có các mô hình sinh hoạt sinh động, đổi mới phong cách hoạt động tạo sân chơi lành mạnh thu hút thanh niên tham gia có tổ chức	Thành đoàn.	- UBND các quận - huyện; - Các sở - ban - ngành; - Các tổ chức chính trị - xã hội.	Các chương trình hoạt động tuyên truyền cụ thể	Triển khai thường xuyên.	
3.	Tập trung các nguồn lực xây dựng và phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông, nâng cao năng lực vận tải, bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn.					
	Triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 27-CTrHĐ/TU của Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/T.Ư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh với nhiệm vụ: phát triển hạ tầng giao thông hoàn chỉnh, từng bước hiện đại, hình thành mạng lưới giao thông đồng bộ kết nối Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, đồng bằng sông Cửu Long,	- Các sở - ban - ngành; - UBND các quận - huyện; - Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội.			Theo tiến độ hoàn thành tại Quyết định số 43/2012/QĐ-UBND	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	Nam Tây Nguyên; giải quyết cơ bản tình trạng ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông. Thông qua các giải pháp: nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý và thực hiện theo quy hoạch; nâng cao hiệu quả việc sử dụng các nguồn vốn huy động để đầu tư phát triển hạ tầng và thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong việc đầu tư khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng.					
4.	Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý Nhà nước về trật tự an toàn giao thông					
4.1.	a) Khẩn trương phối hợp với Bộ Xây dựng hoàn chỉnh dự thảo Luật đô thị; trước mắt điều chỉnh, bổ sung Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho Thành phố Hồ Chí Minh.	- Sở Nội vụ; - Sở Xây dựng;	- Các sở - ngành có liên quan; - Bộ Xây dựng.	Đề án cụ thể	Quý II năm 2013	
	b) Hoàn chỉnh Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2011 - 2015 của các đơn vị, triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Quyết định số 25/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố.	Các sở - ban - ngành	- Sở GTVT; - Ban An toàn giao thông TP; - Công an TP;			Báo cáo kết quả thực hiện thường xuyên về Sở Giao thông vận tải để theo dõi, tổng hợp (định kỳ 06 tháng một lần có tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố)
	c) Rà soát báo cáo sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện hệ thống pháp luật về trật tự an toàn giao thông phù hợp với thực tiễn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Giao thông vận tải.	- Công an TP; - Sở Tư pháp.	Các nội dung kiến nghị, sửa đổi	Quý IV hàng năm	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
4.2.	a) Tiếp tục phối hợp với các Bộ - ngành Trung ương chuẩn bị đề án về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc chung là bộ máy tổ chức phải phù hợp với nhiệm vụ quản lý, phù hợp với điều kiện đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nội vụ		Đề án cụ thể	Thường xuyên liên tục	
	b) Nghiên cứu thành lập và hoàn thiện chức năng một số các cơ quan quản lý hành chính và sự nghiệp trong lĩnh vực giao thông vận tải như: Hội đồng phát triển hạ tầng kỹ thuật thành phố; Hội đồng tư vấn giảm ùn tắc giao thông đô thị; Cơ quan Quản lý nhà nước về vận tải công cộng (PTA); Trung tâm Điều hành giao thông đô thị; Viện nghiên cứu giao thông vận tải đô thị; Ban Quản lý giao thông đô thị; Ban chuẩn bị đầu tư các dự án giao thông đô thị trọng điểm.	- Viện Nghiên cứu phát triển thành phố; - Sở Nội vụ.	Sở Giao thông vận tải.	Đề án cụ thể.	Giai đoạn năm 2012 - 2013	
	c) Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức và phát triển nguồn nhân lực các phòng chuyên môn nghiệp vụ, đơn vị quản lý và chủ đầu tư (hoặc đại diện chủ đầu tư) trong lĩnh vực giao thông vận tải; nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cán bộ, chiến sỹ tuần tra giám sát địa bàn.	- Sở Giao thông vận tải; - Sở Nội vụ; - Công an TP; - UBND các quận - huyện.	Các sở - ban - ngành.		Thường xuyên liên tục	Nghiêm cấm cán bộ, công chức can thiệp vào việc xử phạt; bổ sung, tuyển dụng thêm cán bộ để tăng cường bám sát địa bàn; kiên quyết xử lý loại bỏ đối với các cán bộ thiếu năng lực, không có tinh thần trách nhiệm và xử lý nghiêm đối với cán bộ, nhân viên vi phạm trật tự an toàn giao thông.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
4.3.	a) Nâng cao chất lượng đăng ký, đăng kiểm phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, bảo đảm phương tiện tham gia giao thông phải đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật	- Sở Giao thông vận tải; - Các trung tâm đăng kiểm.	Công an TP.		Thường xuyên liên tục	
	b) Triển khai một số giải pháp để hạn chế lưu thông đối với phương tiện giao thông cá nhân như: nghiên cứu Đề tài quản lý các phương tiện đăng ký mới thông qua Giấy chứng nhận quyền mua xe (COE) để đề xuất Chính phủ cho thực hiện thí điểm ở Thành phố Hồ Chí Minh; Nghiên cứu tổ chức thực hiện Đề án thu phí xe ô tô lưu thông vào khu vực trung tâm Thành phố; phối hợp với Bộ Giao thông vận tải triển khai thực hiện một số giải pháp hạn chế phương tiện giao thông cá nhân khác.	- Văn phòng UBND TP; - Sở KH và ĐT; - Công an THÀNH PHỐ.	- Sở Giao thông vận tải; - Sở Tư pháp; - Ban An toàn giao thông TP; - Công ty Tiên phong.	Báo cáo kết quả thẩm định nghiên cứu khả thi	Quý II năm 2013	Báo cáo Hội đồng nhân dân thông qua trước khi thực hiện
	c) Tăng cường quản lý hoạt động vận tải, đảm bảo hợp lý, khoa học và phù hợp với tình hình giao thông thực tế, chú trọng hoạt động vận tải hành khách, vận tải hành khách công cộng, vận tải hàng hóa bằng xe ô tô và phương tiện thủy.	- Sở Giao thông vận tải; - Ban Quản lý các bến xe công cộng TP.	Công an TP;		Thường xuyên liên tục	
4.4.	a) Tổ chức lại giao thông tại các vị trí có nguy cơ xảy ra ùn tắc giao thông cao theo hướng tăng cường phân luồng giao thông một chiều, tách làn xe ô tô với mô tô, xe máy; sắp xếp, phân bố lại các làn xe trên một số tuyến đường đủ rộng để tăng năng lực thông xe.	Sở Giao thông vận tải.	- Ban An toàn giao thông TP; - Công an TP; - UBND các quận, huyện.	Kế hoạch thực hiện cụ thể	Quý I hàng năm	
	b) Cải tạo kích thước hình học, mở rộng lòng đường, các nút thắt cổ chai; lắp đặt bổ sung các loại biển báo có cần vươn, đèn tín hiệu giao thông, đèn đếm lùi.	Sở Giao thông vận tải.	- Sở KH và ĐT; - Sở TC;	Kế hoạch thực hiện cụ thể	Quý I hàng năm	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	c) Triển khai áp dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác quản lý và bảo trì hệ thống hạ tầng giao thông đô thị như sử dụng công nghệ tái sinh nguội mặt đường, trang bị phần mềm mô phỏng giao thông; mua sắm thiết bị dò tìm công trình ngầm.	Sở Giao thông vận tải.	- Sở KH và ĐT; - Sở TC; - Sở KH và CN; - Sở TT và TT	Lập kế hoạch trang bị và triển khai thực hiện	Quý I năm 2013	
	d) Quy định thời gian, lộ trình lưu thông cụ thể đối với các loại xe chuyên dùng, hạn chế lưu thông vào các giờ cao điểm, các đoạn đường, nút giao có nguy cơ ùn tắc giao thông cao.	Sở Giao thông vận tải.	- Công an TP; - UBND các quận - huyện	Xây dựng thời gian cụ thể các loại phương tiện chuyên dùng được phép lưu thông	Quý I năm 2013	Công bố rộng rãi trên Website Sở Giao thông vận tải;
	e) Hoàn thành việc thống kê và phân tích toàn bộ vị trí các “điểm đen” về an toàn giao thông của năm 2011; tiến tới xóa bỏ, khắc phục trong năm 2012. Hạn chế phát sinh thêm “điểm đen” mới trong năm 2013.	- Sở Giao thông vận tải; - Ban An toàn giao thông TP.	- Công an TP; - UBND các quận, huyện	Thống kê vị trí, đoạn đường có TNGT; Khắc phục các điểm đen năm 2011 và các điểm đen phát sinh năm 2012	Quý II năm 2013 cơ bản hoàn tất việc khắc phục	
4.5.	Nâng cao trách nhiệm về quản lý hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, quản lý vỉa hè, đường phố và an toàn giao thông cầu, đường, hầm. Thực hiện nghiêm túc các quy định về hành lang an toàn giao thông; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, nhất là các hành vi xâm hại công trình giao thông, cản trở giao thông, thiếu tinh thần trách nhiệm trong việc khắc phục các nguyên nhân trực tiếp dẫn đến các vụ tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng	- UBND các quận - huyện; - Các sở - ban - ngành.	- Sở Giao thông vận tải; - Công an TP.	Kiểm tra việc tuân thủ theo quy định của ngành	Công việc thường xuyên	Xử lý nghiêm các đơn vị vi phạm.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
4.6.	a) Tăng cường chế độ kiểm tra, tổ chức giám sát chặt chẽ việc sát hạch để bảo đảm kết quả chính xác, khách quan, công khai như lắp đặt camera giám sát phòng thi lý thuyết; lưu trữ thông tin tại một số khu vực nhạy cảm trên sân sát hạch để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm tra.	Sở Giao thông vận tải	- Công an TP; - Các cơ sở đào tạo lái xe. - Sở TT và TT.	Xây dựng kế hoạch kiểm tra và triển khai thực hiện.	Thường xuyên, liên tục	Kiên quyết xử lý các cơ sở đào tạo, sát hạch vi phạm quy định. Công khai các đơn vị vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng
	b) Tổ chức hậu kiểm về chất lượng đào tạo, cấp phép lái xe; cấp bằng, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người điều khiển phương tiện thủy. Xử lý nghiêm các cơ sở đào tạo, hội đồng sát hạch nếu để xảy ra trường hợp có nhiều lái xe gây tai nạn.	Sở Giao thông vận tải	- Công an TP; - UBND các quận, huyện.	Xử lý nghiêm các cơ sở đào tạo, hội đồng sát hạch nếu có nhiều người lái xe gây tai nạn	Thường xuyên, liên tục	Công khai các đơn vị vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng
	c) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức nối mạng giữa các cơ quan chức năng trong việc quản lý giấy phép lái xe đối với các đối tượng đã vi phạm pháp luật giao thông đường bộ; xây dựng cơ sở dữ liệu và thực hiện quy chế phối hợp cung cấp thông tin trong quản lý người điều khiển phương tiện giao thông.	- Sở Giao thông vận tải; - Công an TP.	Sở Thông tin và Truyền thông.	XD cơ sở dữ liệu về người lái xe và phương tiện. Quy chế phối hợp cung cấp thông tin các đối tượng vi phạm Luật GTĐB.	Quý II năm 2013	
	d) Tăng cường công tác giám sát các cơ sở y tế trong việc khám sức khỏe cho người đăng ký sát hạch cấp Giấy phép lái xe	Sở Y tế.	Sở Giao thông vận tải		Thường xuyên liên tục	
4.7.	Hiện đại hóa công tác giám sát, phát hiện và xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ; tập trung xây dựng hệ thống giám sát (camera, thiết bị đếm xe tự động) trên các	- Sở Giao thông vận tải; - Công an TP.	Đài VOV, VOH		Quý II năm 2013	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	tuyến quốc lộ trọng điểm, trong nội đô thành phố, các vị trí điểm đen về tai nạn giao thông, điểm ùn tắc giao thông. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về trật tự an toàn giao thông trên toàn địa bàn thành phố và thực hiện quy chế phối hợp cung cấp thông tin trong quản lý giữa các đơn vị.					
4.8.	a) Tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm của người điều khiển phương tiện giao thông ngay tại bến xe, bến tàu. Kiên quyết đình chỉ hoạt động kinh doanh vận tải đối với tổ chức, cá nhân vi phạm nghiêm trọng và vi phạm thường xuyên các quy định về điều kiện kinh doanh vận tải và bảo đảm an toàn giao thông	- Công an TP; - Thanh tra Sở Giao thông vận tải	- UBND các quận - huyện. - Sở Kế hoạch và Đầu tư.	Xử phạt nghiêm đối với các trường hợp vi phạm.	Thường xuyên, liên tục	
	b) Tổ chức lực lượng thường xuyên kiểm tra và xử lý kiên quyết tình trạng xe chở hàng vượt quá tải trọng cho phép của xe, xe container không khóa chốt, lái xe điều khiển đầu kéo sơ-mi ro-moóc không có Giấy phép lái xe hạng FC; việc chấp hành ưu tiên lưu thông vào đường cấm, giờ cấm; phối hợp với các đơn vị quản lý cảng để tổ chức kiểm tra tải trọng xe tại các cổng cảng và bên trong cảng. Xử phạt nghiêm đối với các trường hợp vi phạm, xem xét lập hồ sơ truy tố trước pháp luật nếu vi phạm gây ra hậu quả nghiêm trọng.	- Công an TP; - Thanh tra Sở Giao thông vận tải	- UBND các quận - huyện. - Các cảng sông, cảng biển.	Xử phạt nghiêm đối với các trường hợp vi phạm. Trường hợp vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng lập hồ sơ để truy tố	Thường xuyên, liên tục	Các cảng biển, cảng sông phải phối hợp với LL CSGT và Thanh tra GT tiến hành tổ chức kiểm tra tải trọng xe tại cảng trước khi xuất bến.
4.9.	Xây dựng các phương án kiên quyết chấm dứt tình trạng đua xe trái phép, phóng nhanh vượt ẩu, rải đinh vật nhọn trên đường gây nguy hiểm cho người tham gia giao thông. Đồng	Công an TP.	UBND các quận - huyện.	Xây dựng các phương án, giải pháp cụ thể.	Quý I năm 2013	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	thời đưa các giải pháp xử lý hiện trường xảy ra tai nạn giao thông hoặc có vi phạm theo hướng nhanh nhất để giải phóng, kịp thời trả lại mặt đường cho giao thông					
4.10.	Xây dựng Chiến lược phát triển, đào tạo lực lượng Cảnh sát giao thông, Thanh tra giao thông có đủ năng lực, phẩm chất, nắm vững pháp luật, có trình độ nghiệp vụ, khoa học kỹ thuật, ngoại ngữ, có tinh thần trách nhiệm, trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông	- Công an TP; - Sở Giao thông vận tải	UBND các quận - huyện.	Xây dựng Chiến lược cụ thể.	Giai đoạn 2013 - 2020	
4.11.	a) Tổ chức các đoàn kiểm tra việc chấp hành quy trình, quy chế, điều lệnh đối với cán bộ, công chức, chiến sỹ nhất là lực lượng trực tiếp với nhân dân (kiên quyết xử lý kỷ luật những cán bộ, chiến sỹ có hành vi tiêu cực, không hoàn thành nhiệm vụ hoặc xử lý vi phạm không đúng quy định).	- Công an TP; - Sở Giao thông vận tải; - UBND các quận - huyện		Xây dựng kế hoạch kiểm tra cụ thể và triển khai thực hiện	Thực hiện theo kế hoạch	Kiên quyết xử lý kỷ luật những cán bộ, chiến sỹ có hành vi tiêu cực, không hoàn thành nhiệm vụ hoặc xử lý vi phạm không đúng quy định
	b) Thường xuyên luân chuyển, thay đổi địa bàn quản lý của lực lượng thanh tra viên giao thông vận tải, lực lượng cảnh sát giao thông nhằm ngăn ngừa tiêu cực.	- Công an TP; - Sở Giao thông vận tải;		Kế hoạch luân chuyển cụ thể của ngành.	Thường xuyên, liên tục	
	c) Tăng cường giáo dục, quán triệt cho cán bộ, công chức, chiến sỹ và lực lượng thanh tra chuyên ngành nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chuyên nghiệp trong thực thi nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông; có chính sách khuyến khích, khen thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích và phê bình các cá nhân, đơn vị chưa hoàn thành nhiệm vụ.	- Công an TP; - Sở Giao thông vận tải; - UBND các quận - huyện	- Sở Nội vụ; - Ban An toàn giao thông TP.	Xây dựng kế hoạch kiểm tra cụ thể và triển khai thực hiện	Thường xuyên, liên tục	Có chính sách khuyến khích, khen thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích và phê bình các cá nhân, đơn vị chưa hoàn thành nhiệm vụ.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
4.12.	Tăng cường trang thiết bị, biên chế nhân lực cho cảnh sát giao thông, thanh tra giao thông từ ngân sách thành phố (máy đo tốc độ, máy đo nồng độ cồn, cân di động, xe cứu hộ...). Tăng mức chi phí bồi dưỡng, hỗ trợ cho các lực lượng tham gia công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý xử phạt và điều hòa trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố	- Công an TP; - Sở Giao thông vận tải;	- Sở Nội vụ; - Sở Tài chính.	Xây dựng đề án tăng biên chế; đào tạo xây dựng lực lượng bổ sung trang thiết bị	Hàng năm	
4.13.	Kiện toàn Ban An toàn giao thông thành phố theo Quyết định số 57/2011/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Nội vụ.	- Ban An toàn giao thông TP; - Công an TP; - Sở GTVT.	Tờ trình; Đề án kiện toàn trình UBND TP phê duyệt	Hàng năm	
4.14.	a) Xây dựng kế hoạch tăng cường nhân lực, trang thiết bị, khí tài phục vụ cho công tác của lực lượng cảnh sát giao thông giai đoạn 2011 - 2015 (như tăng cường lực lượng, mua sắm trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu quản lý giao thông đô thị ngày càng phức tạp).	Công an TP.	- Sở Nội vụ; - Sở TC.		Gia đoạn 2011 - 2015	
	b) Nghiên cứu cơ chế đãi ngộ tương xứng để thu hút nguồn nhân lực trình độ cao phục vụ các chương trình nâng cao năng lực quản lý ngành giao thông vận tải, đề xuất các Bộ - ngành Trung ương cho tiến hành thí điểm thực hiện trên địa bàn thành phố.	Sở Nội vụ.	Sở Giao thông vận tải.	Đề án cụ thể	Gia đoạn 2012 - 2015	
	c) Ưu tiên, bố trí điều chuyển, bổ nhiệm các cán bộ có năng lực đảm nhận các vị trí công tác có liên quan đến quá trình triển khai thực hiện các dự án đã phê duyệt và đang triển khai; đồng thời tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của cơ quan quản lý.	Sở Nội vụ.	Sở Giao thông vận tải.	Đề án cụ thể	Hàng năm	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
5.	Triển khai toàn diện, đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, khắc phục ùn tắc giao thông trên địa bàn thành phố					
5.1.	Tiếp tục triển khai các nhóm giải pháp trọng tâm trong Chương trình hành động số 12-CTrHD/TU ngày 16/3/2011 của Thành ủy Thành phố thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX về Chương trình giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2011-2015 và Quyết định số 25/2011/QĐ-UBND ngày 14/5/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Chương trình Giảm ùn tắc giao thông giai đoạn 2011 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020; Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 11/01/2012 về ban hành Kế hoạch thực hiện các giải pháp cấp bách bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố trong năm 2012	- Sở Giao thông vận tải. - Bộ phận thường trực giúp việc 6 chương trình đột phá. - Các sở - ban - ngành.			Tháng 5/2013 tổ chức sơ kết 02 năm QĐ số 25	
5.2.	Thực hiện nghiêm các đồ án quy hoạch đô thị và quy hoạch giao thông thành phố, xây dựng di dời các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, bệnh viện lớn, các cơ sở đăng ký, đăng kiểm xe cơ giới, các nhà máy... ra bên ngoài khu vực nội đô, điều chỉnh bố trí tập trung các trụ sở cơ quan hành chính nhà nước thành phố; tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng di dời các cảng trên sông Sài Gòn và Nhà máy đóng tàu Ba Son theo quy hoạch được duyệt (kể cả quy hoạch chi tiết, chuyển đổi công năng sử dụng đất tại các địa điểm cảng cũ đã di dời).	- Sở Quy hoạch - kiến trúc; - Sở Giao thông vận tải.	Các sở - ban - ngành			
5.3.	Hoàn thiện Quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 kết nối với Đề án phát triển vận tải	Sở Giao thông vận tải.	- Sở Tài chính; - Sở Kế hoạch và Đầu tư.		Giai đoạn năm 2013 - 2015, 2020	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
	hành khách bằng đường sắt trên cao, tàu điện ngầm, xe buýt nhanh. Triển khai thực hiện Đề án phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt các giai đoạn 2013 - 2015, 2020.					
5.4.	Tiếp tục phát triển mạnh loại hình xe buýt đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân theo sức chở phương tiện phù hợp với từng lộ trình hoạt động đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách công cộng. Tiếp tục phát động phong trào kêu gọi toàn thể cán bộ công chức, viên chức tham gia đi xe buýt; lồng ghép tiêu chí về việc tham gia đi xe buýt khi xây dựng tiêu chí thi đua – khen thưởng hàng năm của từng đơn vị.	Sở Giao thông vận tải.	- Ban Quản lý các KCX - KCN; - Sở Giáo dục và Đào tạo; - Các sở - ban - ngành;		Thường xuyên, liên tục	
5.5.	Tập trung kiểm tra, thu hồi giấy phép sử dụng lòng đường, vỉa hè để kinh doanh buôn bán, đậu xe 2 bánh, xe ô tô không còn phù hợp, trả lại vỉa hè thông thoáng cho người đi bộ, xử phạt nghiêm các trường hợp đậu xe dưới lòng đường, vỉa hè không đúng quy định.	- UBND các quận - huyện; - Thanh tra Sở Giao thông vận tải;.	Công an TP;	Xây dựng kế hoạch cụ thể.	Thường xuyên, liên tục	Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình trật tự lòng đường, vỉa hè trên địa bàn mình quản lý
5.6.	Rà soát quỹ đất và đề xuất các vị trí để kêu gọi đầu tư xây dựng bãi đậu xe cao tầng trên mặt đất. Sau khi đã có vị trí, tiến hành kêu gọi đầu tư xây dựng bãi đậu xe nhiều tầng có kết hợp với các bãi đậu xe buýt hiện hữu	Sở Tài nguyên và Môi trường.	- Sở Giao thông vận tải; - Sở Xây dựng; - Sở Quy hoạch và kiến trúc; - UBND các quận - huyện.	Có danh mục các quỹ đất báo cáo UBND TP xem xét.	Quý II năm 2013	

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
5.7.	Tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm quá trình triển khai bố trí lịch giờ làm việc, học tập tại một số địa bàn khu chế xuất, khu công nghiệp, trường học; đồng thời tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố các biện pháp để mở rộng và nâng cao hiệu quả trong năm 2013 với tiêu chí không gây xáo trộn, ảnh hưởng lớn đến sản xuất, công tác, học tập, sinh hoạt, đi lại của người dân.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.	- Sở Giáo dục và Đào tạo; - Sở Giao thông vận tải; - UBND các quận - huyện; - Ban Quản lý các KCX - KCN; - Ban ATGT TP.	Đề án cụ thể.	Tháng 02 năm 2013	
5.8.	Xây dựng và triển khai các giải pháp nhằm nâng cao văn hóa giao thông cho người dân để giảm ùn tắc giao thông. Đồng thời huy động các lực lượng tham gia hướng dẫn điều tiết giao thông vào giờ cao điểm (đặc biệt là các lực lượng tại chỗ như dân quân, công an phường, Cựu chiến binh, đoàn viên thanh niên...).	- Ban An toàn giao thông TP; - UBND các quận - huyện.	- Công an TP; - Các sở - ban - ngành.	Xây dựng kế hoạch cụ thể.	Hàng năm	
D.	TỔ CHỨC THỰC HIỆN					
1.	Xây dựng kế hoạch cụ thể phù hợp với tình hình thực tiễn và nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, đơn vị.	- Thủ trưởng các sở - ban - ngành; - Chủ tịch UBND các cấp; - Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội.	- MTTQ Việt Nam TP. - Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội.	Các đơn vị xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 18/CT/TW của ban Bí thư và Thông tri số 18-TT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy.	Tháng 01 năm 2013	Gửi về Ban An toàn giao thông thành phố để tổng hợp.

STT	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
2.	Xây dựng dự toán kinh phí hàng năm để theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao và công việc liên quan của Kế hoạch này trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt	- Sở KHĐT; - Sở Tài chính.	- Sở Giao thông vận tải; - Các đơn vị có liên quan.	Trong Tháng 01 hàng năm bố trí nguồn kinh phí để các đơn vị thực hiện.	Tháng 01 hàng năm	
3.	Hàng năm tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố.	Sở Giao thông vận tải.	- Các sở - ban - ngành. - UBND các cấp, - Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội.	Dự thảo Kế hoạch hàng năm.	Tháng 01 hàng năm	
4.	Tổng hợp báo cáo, kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tốt và đề xuất xử lý kỷ luật đối với các tập thể, cá nhân vi phạm hoặc thiếu trách nhiệm trong việc bảo đảm trật tự an toàn giao thông.	Ban An toàn giao thông TP. Sở Nội vụ.	- Các sở - ban - ngành. - UBND các cấp, - Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội.	Danh sách khen thưởng định kỳ và đột xuất.	Báo cáo hàng tháng	Gửi về Ban An toàn giao thông thành phố để tổng hợp.
5.	Tổng hợp các vướng mắc, khó khăn cần thiết bổ sung, điều chỉnh.	Ban An toàn giao thông TP.	- Sở Giao thông vận tải; - Các đơn vị có liên quan.	Báo cáo kết quả thực hiện, các khó khăn vướng mắc.	Báo cáo hàng tháng	Tổng hợp khó khăn, đề xuất giải quyết và báo cáo UBND TP.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng